

Bản tin

THỊ TRƯỜNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN

Số ra ngày 20/9/2024

BẢN TIN THỊ TRƯỜNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:

Cục Xuất nhập khẩu,

Bộ Công Thương

Tel: 024.22205440;

Email:

Huongnth@moit.gov.vn;

huyenngt@moit.gov.vn;

- Trung tâm Thông tin

Công nghiệp và Thương mại,

Bộ Công Thương

Tel: 024.22192875;

Email:

tuoanhbta@gmail.com;

Mọi ý kiến đóng góp xin liên hệ
số điện thoại và email trên

Giấy phép xuất bản số:

43/GP-XBBT ngày 14/8/2024

TÌNH HÌNH CHUNG	3
THỊ TRƯỜNG HẠT TIÊU	5
THỊ TRƯỜNG RAU QUẢ	13
THỊ TRƯỜNG SẴN VÀ SẢN PHẨM TỪ SẴN	18
THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN	24
THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ	28
THÔNG TIN CHÍNH SÁCH/CHUYÊN ĐỀ	33

TÌNH HÌNH CHUNG

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- ▶ **Hạt tiêu:** Trong 18 ngày đầu tháng 9/2024, giá hạt tiêu xuất khẩu của các nước sản xuất lớn trên thế giới đồng loạt tăng mạnh.
- ▶ **Rau quả:** Thái Lan chưa tận dụng hết hạn ngạch xuất khẩu chuối sang thị trường Nhật Bản do gặp thách thức trong việc đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng của Nhật Bản. Dự đoán ngành chuối toàn cầu sẽ tăng trưởng với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm là 4,5% trong giai đoạn 2022 – 2027.
- ▶ **Sắn và sản phẩm từ sắn:** Giá sắn nguyên liệu, tinh bột sắn nội địa và tinh bột sắn xuất khẩu tại Thái Lan giảm. Xuất khẩu sắn lát của Thái Lan trong 8 tháng đầu năm 2024 giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2023, trong khi xuất khẩu tinh bột sắn tăng.
- ▶ **Thủy sản:** Tại Diễn đàn Tôm Toàn cầu (GSF), các chuyên gia dự báo nhập khẩu tôm của Hoa Kỳ và Trung Quốc năm 2024 sẽ giảm, trong khi nhập khẩu vào EU ổn định hơn. Giá cá ngừ vằn nguyên liệu tại Ê-cu-a-đo tăng do lệnh cấm đánh bắt.
- ▶ **Gỗ và sản phẩm gỗ:** Xuất khẩu đồ nội thất và sản phẩm lâm nghiệp của Thổ Nhĩ Kỳ trong 8 tháng năm 2024 vượt 5,1 tỷ USD. Xuất khẩu của ngành công nghiệp nội thất Ba Lan trong nửa đầu năm 2024 giảm 6% so với cùng kỳ năm 2023.



THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

- ▶ **Hạt tiêu:** Giá hạt tiêu đen trong nước ngày 18/9/2024 tăng 10.000 – 13.000 đồng/kg so với cuối tháng 8/2024. Tháng 8/2024, xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam giảm cả về lượng và trị giá so với tháng trước; giảm về lượng nhưng tăng mạnh về trị giá so với cùng kỳ năm 2023; Giá xuất khẩu bình quân hạt tiêu đạt mức cao kỷ lục 6.012 USD/tấn. Thị phần hạt tiêu của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của EU từ thị trường ngoại khối tăng từ 62,16% trong 7 tháng đầu năm 2023 lên 65,58% trong 7 tháng đầu năm 2024.
- ▶ **Rau quả:** Tháng 8/2024, xuất khẩu rau quả của Việt Nam đạt 843,59 triệu USD, mức cao kỷ lục mới. Ngày 11 – 12/9/2024, Tổng cục Hải quan Trung Quốc kiểm tra 24 vùng trồng, 12 cơ sở đóng gói dưa tươi của Việt Nam trước khi cấp mã số cho các cơ sở này xuất khẩu dưa tươi sang Trung Quốc. Thị phần trái dưa của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Trung Quốc giảm nhẹ từ 22,86% trong 7 tháng đầu năm 2023 xuống 22,57% trong 7 tháng đầu năm 2024.
- ▶ **Sắn và sản phẩm từ sắn:** 8 tháng đầu năm 2024, xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn của Việt Nam đạt 1,79 triệu tấn, trị giá 822,72 triệu USD, giảm 3,8% về lượng, nhưng tăng 7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Thị phần sắn lát và tinh bột sắn của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Trung Quốc 8 tháng đầu năm 2024 tăng so với cùng kỳ năm 2023.
- ▶ **Thủy sản:** 8 tháng đầu năm 2024, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường Nga tăng trưởng khả quan. Việt Nam là thị trường cung cấp thủy sản lớn thứ 3 cho Hàn Quốc, chiếm 12,06% về lượng và chiếm 14,4% về trị giá trong tổng nhập khẩu của Hàn Quốc 8 tháng đầu năm 2024.
- ▶ **Gỗ và sản phẩm gỗ:** Đồ nội thất bằng gỗ chiếm 91,5% tổng trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang Anh trong 8 tháng đầu năm 2024. Thị phần đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam trong tổng trị giá nhập khẩu của Đức từ các thị trường ngoài khối tăng.



THỊ TRƯỜNG HẠT TIÊU

- ▶ Trong 18 ngày đầu tháng 9/2024, giá hạt tiêu xuất khẩu của các nước sản xuất lớn trên thế giới đồng loạt tăng mạnh.
- ▶ Giá hạt tiêu đen trong nước ngày 18/9/2024 tăng 10.000 – 13.000 đồng/kg so với cuối tháng 8/2024.
- ▶ Tháng 8/2024, xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam giảm cả về lượng và trị giá so với tháng trước; giảm về lượng nhưng tăng mạnh về trị giá so với cùng kỳ năm 2023; Giá xuất khẩu bình quân hạt tiêu đạt mức cao kỷ lục 6.012 USD/tấn.
- ▶ Thị phần hạt tiêu của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của EU từ thị trường ngoại khối tăng từ 62,16% trong 7 tháng đầu năm 2023 lên 65,58% trong 7 tháng đầu năm 2024.



THỊ TRƯỜNG HẠT TIÊU THẾ GIỚI

- Theo Cơ quan Thống kê In-đô-nê-xi-a (BPS), xuất khẩu hạt tiêu của In-đô-nê-xi-a trong 7 tháng năm 2024 tăng 55,6% về lượng và tăng 59,6% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 22.829 tấn, trị giá 111 triệu USD; Giá hạt tiêu xuất khẩu bình quân trong 7 tháng đầu năm là 4.869 USD/tấn, tăng 2,5% so với cùng kỳ năm 2023. Đây là mức tăng giá khá thấp so với các quốc gia sản xuất hàng đầu khác và so với mặt

bằng giá chung của thị trường thời gian qua. Vụ thu hoạch của In-đô-nê-xi-a năm 2024 được dự kiến diễn ra vào tháng 8 (chậm hơn mọi năm là từ tháng 7), nhưng sản lượng cũng không khả quan. In-đô-nê-xi-a xuất khẩu tiêu chủ yếu sang Trung Quốc, Việt Nam, Hoa Kỳ, Ấn Độ.

- Trong 18 ngày đầu tháng 9/2024, giá hạt tiêu đen và trắng xuất khẩu tại tất cả các nước sản xuất tăng.

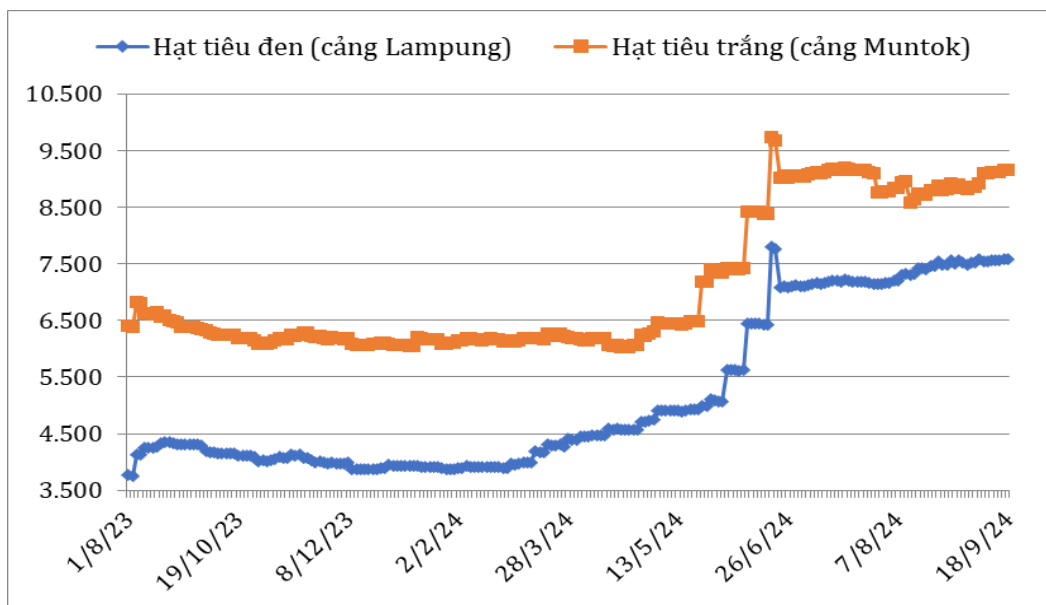
+ Tại Bra-xin, ngày 18/9/2024, giá hạt tiêu đen xuất khẩu tăng mạnh 555 USD/tấn so với ngày 30/8/2024, lên mức 7.000 USD/tấn.

+ Tại cảng Kuching của Ma-lai-xi-a, ngày 18/9/2024, giá hạt tiêu đen xuất khẩu tăng 300 USD/tấn so với cuối tháng 8/2024, lên mức 8.800 USD/tấn. Giá hạt tiêu trắng xuất khẩu tăng 500 USD/tấn so với cuối tháng 8/2024, lên

mức 10.900 USD/tấn.

+ Tại cảng Lampung ASTA, In-đô-nê-xi-a, ngày 18/9/2024, giá hạt tiêu đen xuất khẩu tăng 60 USD/tấn so với ngày 30/8/2024, lên mức 7.589 USD/tấn. Giá hạt tiêu trắng xuất khẩu tăng 289 USD/tấn so với ngày 30/8/2024, lên mức 9.154 USD/tấn.

Diễn biến giá hạt tiêu đen và hạt tiêu trắng xuất khẩu của In-đô-nê-xi-a từ tháng 8/2023 đến nay (ĐVT: USD/tấn)



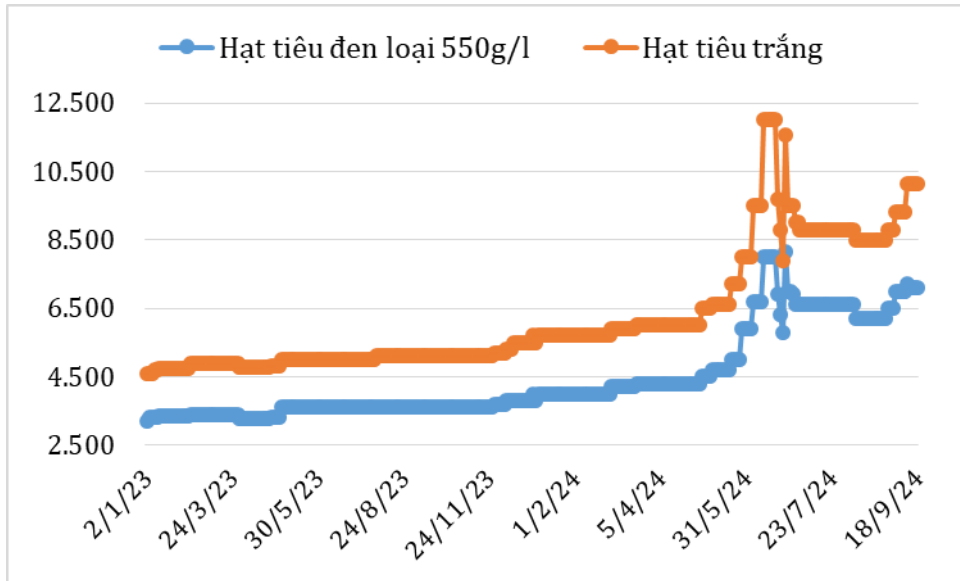
Nguồn: Hiệp hội Hạt tiêu Quốc tế (IPC)

+ Tại cảng khu vực Thành phố Hồ Chí Minh của Việt Nam, ngày 18/9/2024, giá hạt tiêu đen loại 500g/l và 550g/l xuất khẩu tăng lần lượt 700 USD/tấn và 600 USD/tấn so với cuối tháng

8/2024, lên mức 6.800 USD/tấn và 7.100 USD/tấn; Giá hạt tiêu trắng xuất khẩu tăng tới 1.350 USD/tấn so với cuối tháng 8/2024, lên mức 10.150 USD/tấn.



Diễn biến giá hạt tiêu đen và hạt tiêu trắng xuất khẩu của Việt Nam năm 2023 - 2024 (ĐVT: USD/tấn)



Nguồn: Hiệp hội Hạt tiêu Quốc tế (IPC)

Dự báo giá hạt tiêu thế giới sẽ duy trì ở mức cao trong ngắn hạn do nguồn cung hạn chế. Bra-xin và In-đô-nê-xi-a đang vào vụ thu hoạch, trong khi nhu cầu thế giới không tăng mạnh, cùng với việc Trung Quốc không mua nhiều dẫn đến giá chỉ có khả năng tăng nhẹ. Về dài hạn, giá hạt tiêu xuất khẩu sẽ vẫn được hỗ trợ do sản

lượng hạt tiêu vụ mùa 2025 của Việt Nam dự kiến giảm. Theo dự kiến, vụ hạt tiêu năm 2025 của Việt Nam sẽ thu hoạch gần như toàn bộ vào tháng 2, một số vùng kéo dài đến tháng 3 và tháng 4, chậm hơn 1 - 2 tháng so với những năm trước, do ảnh hưởng của hạn hán kéo dài, khiến nguồn cung hạt tiêu ngày càng khó khăn.

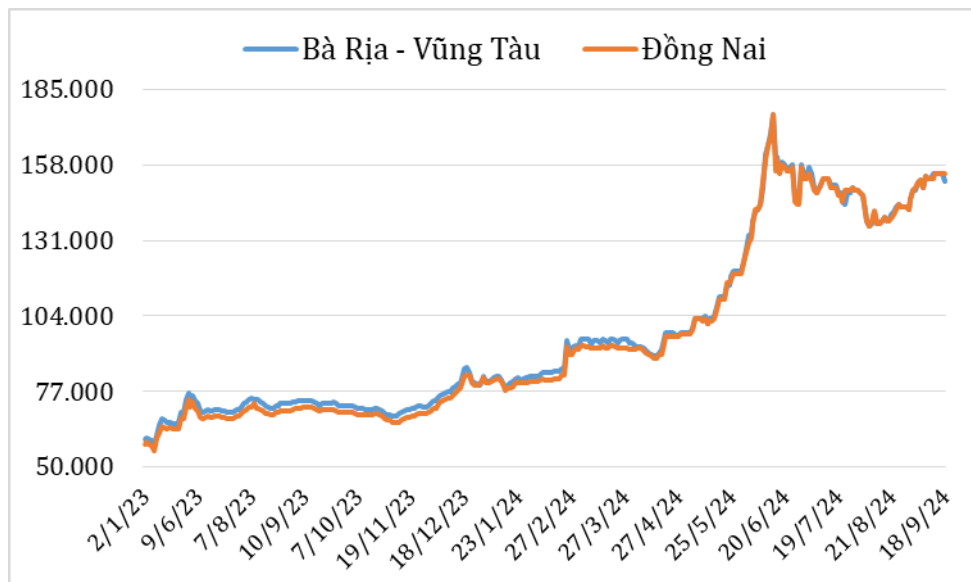


TRONG NƯỚC: GIÁ HẠT TIÊU TĂNG MẠNH DO KHAN HIẾM NGUỒN CUNG

Trong 18 ngày đầu tháng 9/2024, giá hạt tiêu đen tại thị trường nội địa tăng mạnh do nguồn cung khan hiếm. Ngày 18/9/2024, giá hạt tiêu đen tại thị trường nội địa tăng từ 10.000 – 13.000 đồng/kg (tùy từng khu vực

khảo sát) so với cuối tháng 8/2024, lên mức 152.000 – 155.000 đồng/kg. Giá hạt tiêu trắng ở mức 201.000 đồng/kg, tăng 11.000 đồng/kg so với cuối tháng 8/2024, và cao hơn 102.000 đồng/kg cùng kỳ năm ngoái.

Diễn biến giá hạt tiêu đen tại thị trường nội địa năm 2023 – 2024



Nguồn: Hiệp hội Hạt tiêu Việt Nam

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU HẠT TIÊU CỦA VIỆT NAM THÁNG 8 VÀ 8 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

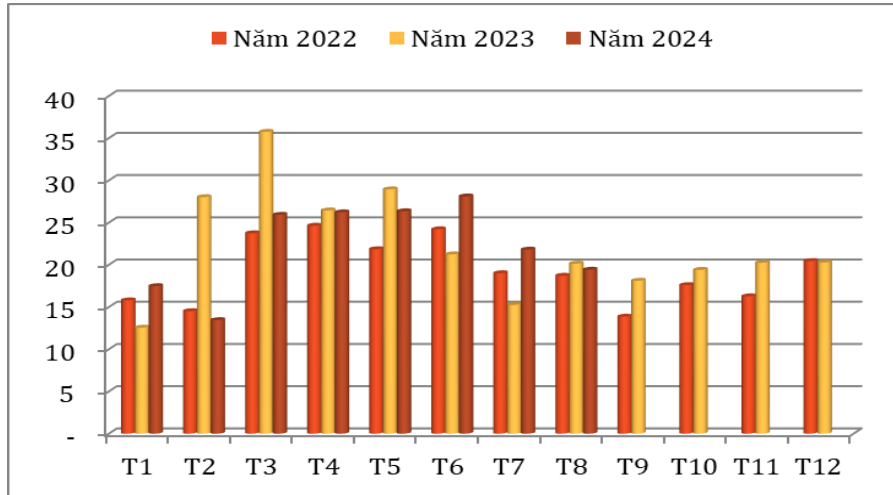
Theo số liệu từ Tổng cục Hải quan, xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam trong tháng 8/2024 đạt 19,42 nghìn tấn, trị giá 116,75 triệu USD, giảm 10,9% về lượng và giảm 10,1% về trị giá so với tháng 7/2024; so với tháng 8/2023 giảm 3,1% về

lượng, nhưng tăng 56% về trị giá. Tính chung 8 tháng đầu năm 2024, xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam đạt 182,93 nghìn tấn, trị giá 877,98 triệu USD, giảm 2,7% về lượng, nhưng tăng 42,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023.



Dự báo ngành hạt tiêu Việt Nam sẽ được hưởng lợi nhờ giá xuất khẩu ở mức cao do nguồn cung hạn chế. Theo Hiệp hội Hạt tiêu Việt Nam, lượng hạt tiêu trong dân gần như không còn, chỉ còn ở trong các đại lý và kho của doanh nghiệp. Theo Hiệp hội Hạt tiêu và cây gia vị Việt Nam (VPSA), tồn kho vụ 2023 chuyển sang cộng với lượng nhập khẩu năm 2024 vào khoảng 40.000 - 45.000 tấn (kể cả nhập khẩu tiểu ngạch), cho thấy nguồn hàng xuất khẩu cho tới cuối năm sẽ thấp hơn mọi năm và cho đến tháng 3/2025 khi vụ mùa 2025 dự kiến sẽ thu hoạch.

Lượng hạt tiêu xuất khẩu qua các tháng giai đoạn 2022 – 2024
(ĐVT: Nghìn tấn)

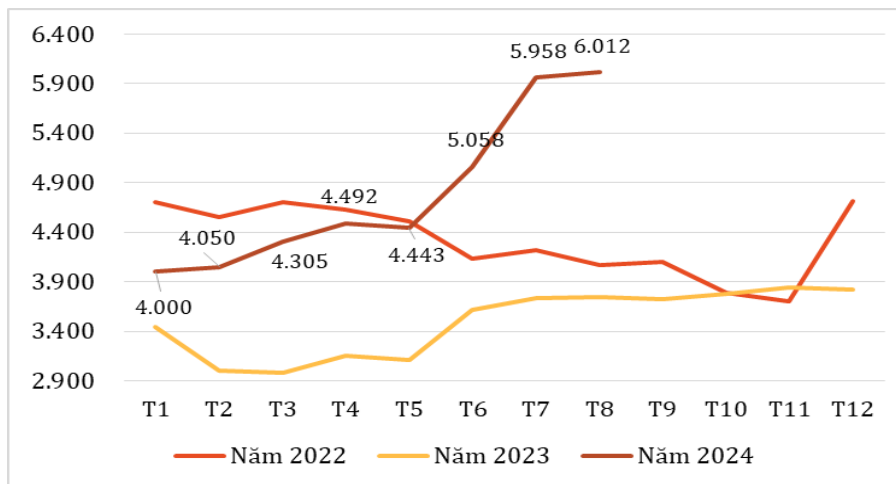


Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Diễn biến giá bình quân xuất khẩu

Tháng 8/2024, giá bình quân xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam đạt mức cao kỷ lục 6.012 USD/tấn, tăng 0,9% so với tháng 7/2024 và tăng mạnh 61,1% so với tháng 8/2023. Tính chung 8 tháng đầu năm 2024, giá bình quân xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam đạt mức 4.800 USD/tấn, tăng 46,7% so với cùng kỳ năm 2023.

Diễn biến giá bình quân xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam qua các tháng giai đoạn 2022 – 2024 (ĐVT: USD/tấn)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu thị trường

Tháng 8/2024, xuất khẩu hạt tiêu sang Đức và Hoa Kỳ tăng mạnh cả về lượng và trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Ngược lại, xuất khẩu sang các thị trường giảm, như: Các Tiểu vương quốc Ả rập Thống nhất, Ấn Độ, Hà Lan, Phi-líp-pin...

Tính chung 8 tháng đầu năm 2024, xuất khẩu hạt tiêu sang hầu hết các thị trường tăng. Đáng chú ý, xuất khẩu hạt tiêu sang Đức, Các Tiểu vương quốc Ả rập Thống nhất, Hàn Quốc, Pa-ki-xtan ghi nhận mức tăng lên đến 3 con số.

10 thị trường xuất khẩu hạt tiêu lớn nhất của Việt Nam trong tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2024

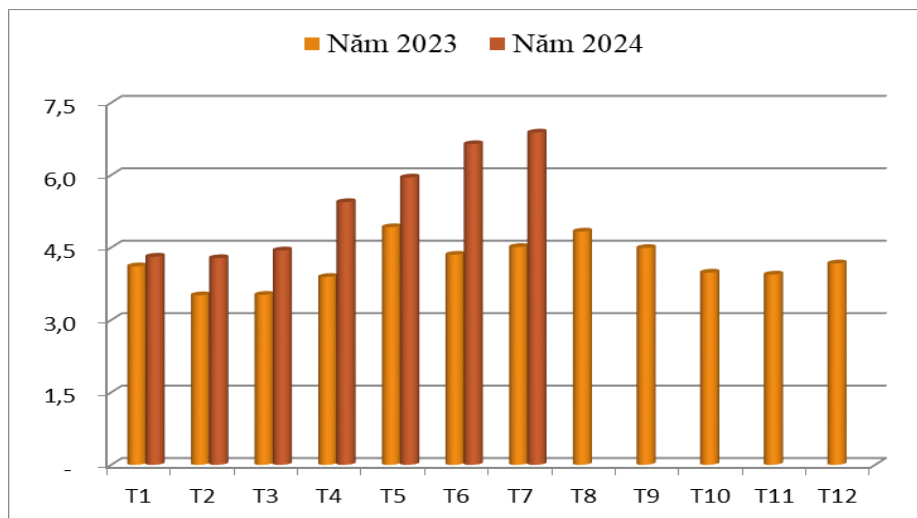
Thị trường	Tháng 8/2024		So với tháng 8/2023 (%)		8 tháng năm 2024		So với cùng kỳ năm 2023 (%)		Tỷ trọng tính theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	8 tháng năm 2024	8 tháng năm 2023
Tổng	19.420	116.748	-3,1	56,0	182.930	877.978	-2,7	42,8	100,00	100,00
Hoa Kỳ	8.570	52.659	90,6	194,2	51.802	258.261	53,5	90,9	28,32	17,95
Đức	1.080	6.441	74,2	142,2	12.133	63.689	97,5	151,8	6,63	3,27
Các TVQ Ả rập Thống nhất	857	5.178	-30,6	18,7	11.779	60.718	30,5	100,2	6,44	4,80
Ấn Độ	342	2.375	-81,8	-68,5	9.012	40.968	11,8	45,6	4,93	4,29
Hà Lan	545	3.369	-22,3	8,1	7.454	39.689	33,9	62,3	4,07	2,96
Hàn Quốc	706	4.500	4,9	71,1	5.259	28.007	56,2	108,6	2,87	1,79
Phi-líp-pin	537	2.753	-31,1	12,3	5.806	22.828	5,7	38,8	3,17	2,92
Thái Lan	282	1.694	-27,7	4,8	3.928	22.774	10,3	46,9	2,15	1,90
Nga	615	3.956	9,0	89,7	4.668	22.657	32,6	89,7	2,55	1,87
Pa-ki-xtan	215	882	-66,4	-61,0	4.877	20.718	62,3	120,9	2,67	1,60
Thị trường khác	5.671	32.942	-29,8	16,8	66.212	297.670	-37,8	-2,4	36,20	56,65

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU HẠT TIÊU CỦA EU TỪ THỊ TRƯỜNG NGOẠI KHỐI TRONG 7 THÁNG ĐẦU NĂM 2024 VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu từ Cơ quan Thống kê châu Âu, EU nhập khẩu hạt tiêu từ thị trường ngoại khối đạt 37,94 nghìn tấn, trị giá 179,54 triệu EUR (tương đương 199,79 triệu USD), tăng 31,6% về lượng và tăng 45% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái.

EU nhập khẩu hạt tiêu từ thị trường ngoại khối qua các tháng năm 2023 – 2024 (ĐVT: Nghìn tấn)



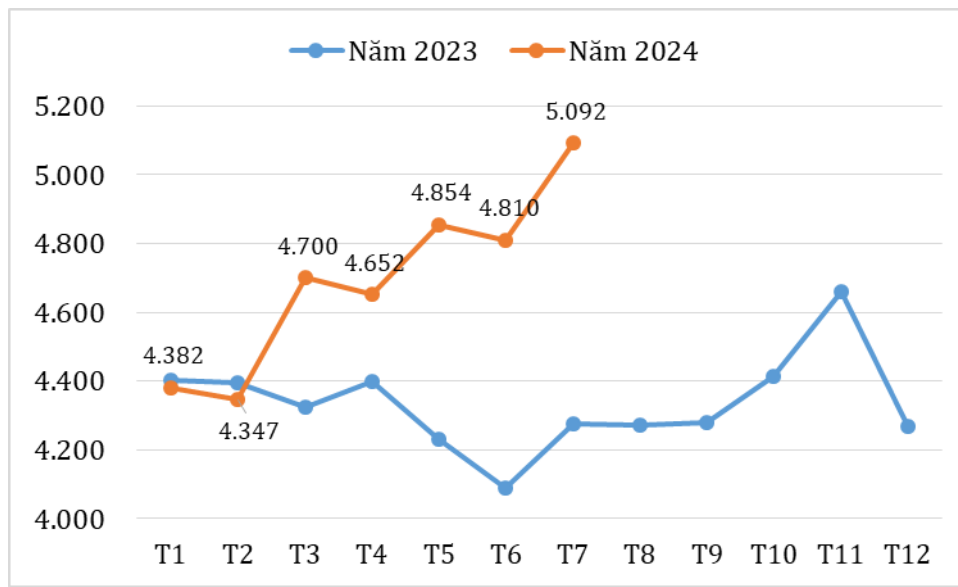
Nguồn: Cơ quan Thống kê châu Âu

Diễn biến giá

7 tháng đầu năm 2024, giá bình quân nhập khẩu hạt tiêu của EU từ thị trường ngoại khối đạt mức 5.092 EUR/tấn, tăng 10,2% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, giá nhập khẩu bình quân hạt tiêu của EU tăng từ các nguồn cung: Việt

Nam (tăng 13,8%), Bra-xin (tăng 11,8%), Ấn Độ (tăng 0,1%). Ngược lại, giá bình quân nhập khẩu hạt tiêu của EU từ In-đô-nê-xi-a và Xri Lan-ca giảm lần lượt 5% và 13%, xuống còn 5.555 EUR/tấn và 8.037 EUR/tấn.

Diễn biến giá bình quân nhập khẩu hạt tiêu của EU từ thị trường ngoại khối qua các tháng năm 2023 – 2024 (ĐVT: EUR/tấn)



Nguồn: Cơ quan Thống kê châu Âu

Cơ cấu nguồn cung

7 tháng đầu năm 2024, EU tăng nhập khẩu hạt tiêu từ tất cả các nguồn cung ngoại khối lớn, tốc độ tăng trưởng đều ghi nhận ở mức 2 con số.



EU nhập khẩu hạt tiêu từ Việt Nam trong 7 tháng đầu năm 2024 đạt 24,88 nghìn tấn, trị giá 112,5 triệu EUR (tương đương 125,2 triệu USD), tăng 38,9% về lượng và tăng 58,1% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Thị phần hạt tiêu của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của EU từ thị trường ngoại khối tăng từ 62,16% trong 7 tháng đầu năm 2023 lên 65,58% trong 7 tháng đầu năm 2024.

Tương tự, 7 tháng đầu năm 2024, EU tăng nhập khẩu hạt tiêu từ Bra-xin, tăng 19,4% về lượng và tăng 33,5% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái, đạt trên 6 nghìn tấn, trị giá 23,44 triệu EUR (tương đương trên 26 triệu USD).

Nhìn chung, ngành hàng hạt tiêu của Việt Nam vẫn đang chiếm lợi thế tại thị trường EU

nờ nguồn cung chất lượng, giá cạnh tranh. Tuy nhiên, để nâng cao giá trị cho hạt tiêu trong thời gian tới, Việt Nam cần hướng đến sản xuất các loại gia vị hữu cơ xuất khẩu, đáp ứng được thị hiếu toàn cầu nói chung, thị trường EU nói riêng.

Theo Thương vụ Việt Nam tại Bỉ và EU, thị trường gia vị hữu cơ thế giới có quy mô khá lớn và đang tăng trưởng 7,5%/năm trong giai đoạn 2021 - 2026. Dự báo đến năm 2026, quy mô thị trường gia vị hữu cơ toàn cầu là gần 20 tỷ Euro.

Tại châu Âu, các quốc gia như Thụy Sĩ, Hà Lan, Đức, Pháp, Ý... là những thị trường nhập khẩu

lớn về gia vị. Trong đó, các loại gia vị có chứng nhận tiêu chuẩn bền vững (hữu cơ, Fairtrade, RA) có tiềm năng xuất khẩu lớn vào thị trường này.

Hiện nay, thị phần các loại gia vị và hương liệu được sản xuất bền vững ở châu Âu rất thấp (dưới 1%) nhưng đang tăng lên. Tại châu Âu, tốc độ tăng trưởng tiêu thụ gia vị hữu cơ được dự báo sẽ đặc biệt cao ở Thụy Điển và Anh với mức tăng hơn 5,5%/năm trong 7 năm tới. Do đó, dư địa xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam sang châu Âu còn rất lớn nếu nước ta đáp ứng được thị hiếu tiêu dùng của người dân.

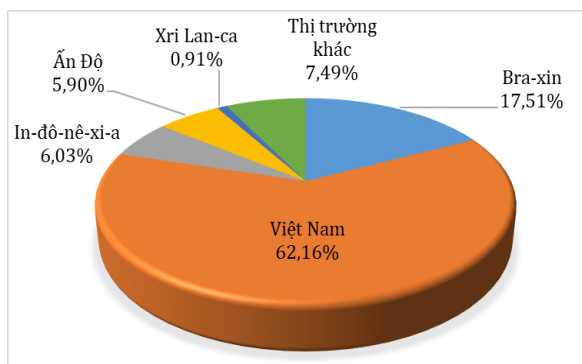
5 nguồn cung ngoại khối hạt tiêu (mã HS 090411; 090412) lớn nhất cho EU trong 7 tháng đầu năm 2024

Thị trường	7 tháng năm 2024				So với cùng kỳ năm ngoái (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (Nghìn EUR)	Trị giá (Nghìn USD)	Giá TB (EUR/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá TB
Ngoại khối EU	37.945	179.546	199.793	4.732	31,6	45,0	10,2
Việt Nam	24.886	112.506	125.193	4.521	38,9	58,1	13,8
Bra-xin	6.029	23.443	26.086	3.888	19,4	33,5	11,8
In-đô-nê-xi-a	2.500	13.885	15.451	5.555	43,9	36,7	-5,0
Ấn Độ	2.099	13.637	15.175	6.497	23,4	23,5	0,1
Xri Lan-ca	340	2.729	3.037	8.037	29,1	12,3	-13,0
Thị trường khác	2.093	13.346	14.852	6.378	-3,0	16,9	20,5

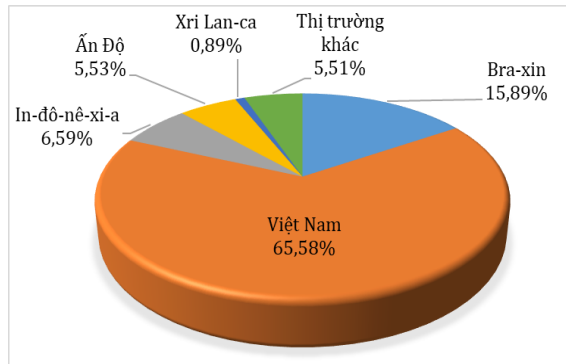
Nguồn: Cơ quan Thống kê châu Âu. Tỷ giá 1 EUR = 1,11277 USD

Cơ cấu nguồn cung hạt tiêu ngoại khối cho EU (Tỷ trọng % tính theo lượng)

7 tháng năm 2023



7 tháng năm 2024



Nguồn: Cơ quan Thống kê châu Âu

THỊ TRƯỜNG RAU QUẢ

- ▶ Thái Lan chưa tận dụng hết hạn ngạch xuất khẩu chuối sang thị trường Nhật Bản do gặp thách thức trong việc đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng của Nhật Bản.
- ▶ Dự đoán ngành chuối toàn cầu sẽ tăng trưởng với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm là 4,5% trong giai đoạn 2022 – 2027.
- ▶ Tháng 8/2024, xuất khẩu rau quả của Việt Nam đạt 843,59 triệu USD, mức cao kỷ lục mới.
- ▶ Tổng cục Hải quan Trung Quốc kiểm tra 24 vùng trồng, 12 cơ sở đóng gói dứa tươi của Việt Nam trước khi cấp mã số cho các cơ sở này xuất khẩu dứa tươi sang Trung Quốc.
- ▶ Thị phần trái dứa của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Trung Quốc giảm nhẹ từ 22,86% trong 7 tháng đầu năm 2023 xuống 22,57% trong 7 tháng đầu năm 2024.



THỊ TRƯỜNG RAU QUẢ THẾ GIỚI

- Thông tin từ <https://www.freshplaza.com> cho biết, giá chuối vàng tại Thái Lan tăng do nhu cầu tăng cao, trong khi nguồn cung giảm. Theo Bộ Nông nghiệp và Hợp tác xã Thái Lan, sản lượng chuối nước này thu hoạch năm 2024 dự kiến chỉ đạt 32.000 tấn, giảm mạnh so với 120.000 tấn vào năm 2023.

Thị trường xuất khẩu chuối vàng của Thái Lan chủ yếu sang Nhật Bản, Trung Quốc và Căm-pu-chia. Theo Bộ Thương mại nội địa Thái Lan, mặc dù Nhật Bản có hạn ngạch hàng năm là 8.000 tấn cho loại trái cây này, nhưng xuất khẩu của Thái Lan sang Nhật Bản chỉ đạt một

nửa hạn ngạch. Nguyên nhân là do những thách thức trong sản xuất để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng của Nhật Bản.

- Theo Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc (FAO), hiện xuất khẩu chuối của Phi-líp-pin đứng ở vị trí thứ 3 trên thế giới, sau Ê-cu-a-đo và Goa-tê-ma-la. Tuy nhiên, chuối Cavendish của Phi-líp-pin vẫn là lựa chọn hàng đầu trên thị trường châu Á, nhờ chất lượng sản phẩm tốt và giá cả cạnh tranh. Theo FAO, xuất khẩu chuối toàn cầu (không bao gồm chuối lá) tăng 0,3% so với năm 2022, đạt 19,3 triệu tấn vào năm 2023. Phân tích thị trường của Mordor

Intelligence dự đoán ngành chuỗi toàn cầu sẽ tăng trưởng với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm là 4,5% trong giai đoạn 2022 - 2027.

Dù nhu cầu chuỗi toàn cầu dự báo tăng, tuy nhiên, ngành chuỗi Phi-líp-pin đang đối mặt với

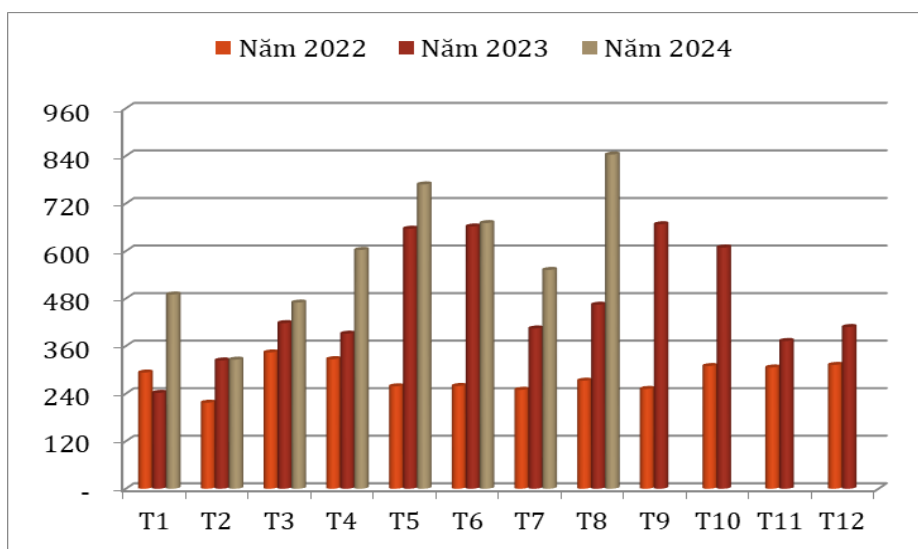
những thách thức về sản xuất trong nước, điều này có thể cản trở cơ hội xuất khẩu. Báo cáo của FAO chỉ ra rằng những hạn chế về nguồn cung xuất khẩu từ các nhà sản xuất lớn, bao gồm cả Phi-líp-pin, đã hạn chế tăng trưởng thị trường chuỗi toàn cầu.

THÁNG 8/2024, XUẤT KHẨU RAU QUẢ CỦA VIỆT NAM GHI NHẬN MỨC CAO KỶ LỤC MỚI

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, tháng 8/2024, xuất khẩu rau quả của Việt Nam đạt 843,59 triệu USD, tăng 52,8% so với tháng trước và tăng 81,8% so với cùng kỳ năm ngoái. Tính chung 8 tháng đầu năm 2024, xuất khẩu rau quả của nước ta đạt 4,72 tỷ USD, tăng 33,2% so với cùng kỳ năm ngoái.

Với tốc độ tăng trưởng cao từ đầu năm đến nay, cùng với các tín hiệu tích cực từ thị trường như việc Trung Quốc cấp phép nhập khẩu trái dưa tươi và sầu riêng đông lạnh từ nước ta, dự báo xuất khẩu rau quả của Việt Nam trong năm 2024 có khả năng đạt mức cao kỷ lục mới, lên tới 7 tỷ USD.

Kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam qua các tháng giai đoạn 2022 – 2024 (ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu thị trường

Tháng 8/2024, xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang các thị trường tăng trưởng khả quan so với tháng trước và so với cùng kỳ năm 2023. Đặc biệt, xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc có sự bứt phá mạnh, đóng góp tích cực vào tăng trưởng chung của ngành. Tính chung 8 tháng đầu năm 2024, kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang hầu hết các thị trường lớn tăng trưởng khả quan, ngoại trừ Hà Lan.



10 thị trường xuất khẩu rau quả lớn nhất của Việt Nam trong tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2024

Thị trường	Tháng 8/2024 (Nghìn USD)	So với tháng 7/2024 (%)	So với tháng 8/2023 (%)	8 tháng năm 2024 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm ngoái (%)	Tỷ trọng (%)	
						8 tháng năm 2024	8 tháng năm 2023
Tổng	843.590	52,8	81,8	4.724.155	33,2	100,00	100,00
Trung Quốc	591.172	78,8	122,0	3.081.434	36,4	65,23	63,72
Hoa Kỳ	37.380	17,3	36,3	226.821	35,1	4,80	4,73
Hàn Quốc	25.460	3,1	12,9	214.568	45,4	4,54	4,16
Thái Lan	41.080	66,2	184,3	163.420	89,4	3,46	2,43
Nhật Bản	18.003	-3,3	3,9	135.485	10,3	2,87	3,46
Đài Loan	20.119	6,4	5,7	105.236	15,5	2,23	2,57
Hà Lan	9.736	-0,6	-23,3	79.517	-23,7	1,68	2,94
Úc	11.373	21,0	16,8	69.325	29,0	1,47	1,52
Các TVQ Ả rập Thống nhất	6.483	35,2	39,4	51.170	28,0	1,08	1,13
Nga	7.252	8,2	32,1	46.623	29,8	0,99	1,01
Thị trường khác	75.533	4,8	17,2	550.554	26,0	11,65	12,32

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

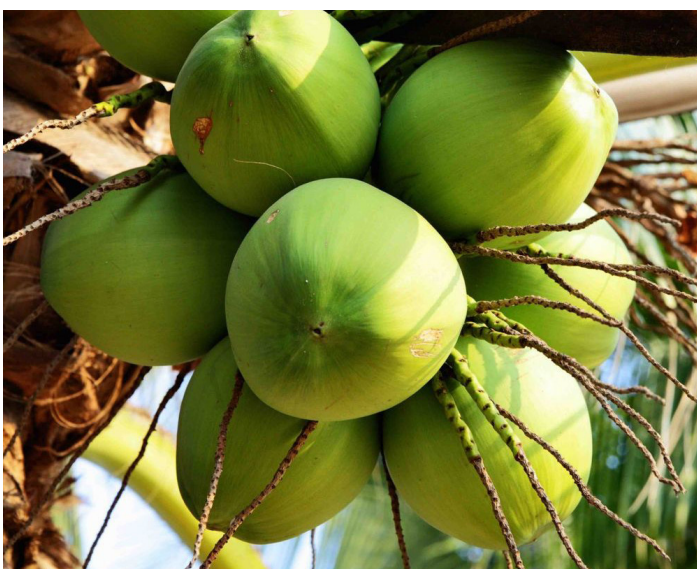
DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU DỪA CỦA TRUNG QUỐC TRONG 7 THÁNG ĐẦU NĂM 2024 VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo cơ quan Hải quan Trung Quốc, nhu cầu tiêu thụ dứa của nước này rất lớn. Hàng năm Trung Quốc tiêu thụ hơn 4 tỉ trái dứa, trong đó có khoảng 2,6 tỉ dứa tươi, còn lại phục vụ chế biến. Nhu cầu lớn nhưng năng lực sản xuất của

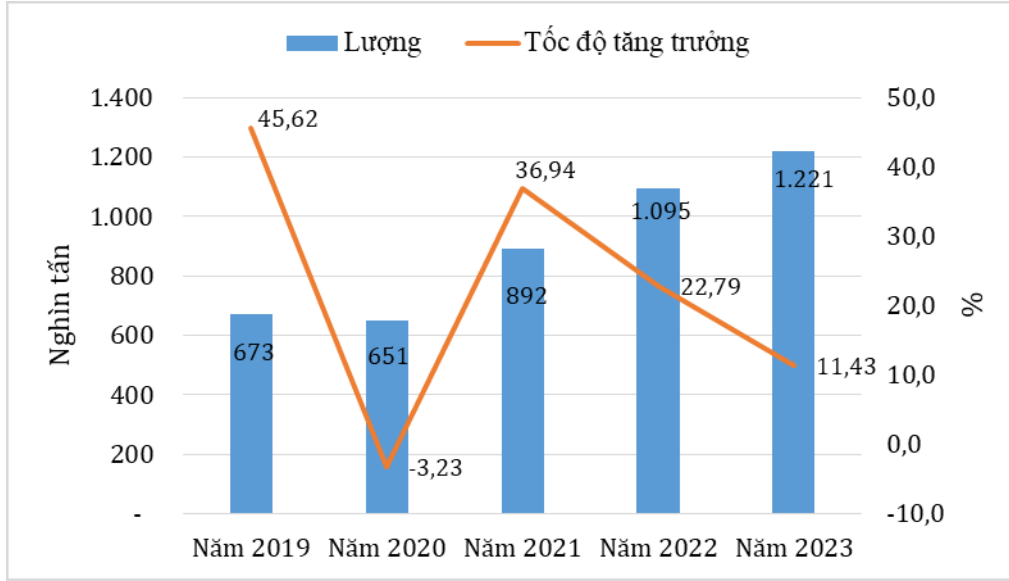
Trung Quốc chưa đáp ứng đủ, do đó hàng năm nước này phải nhập khẩu lượng lớn dứa các loại.

Theo số liệu từ Cơ quan Hải quan Trung Quốc, giai đoạn 2019 - 2023, nhập khẩu dứa của nước này tăng trưởng bình quân 22,71%/năm. Trong giai đoạn này, nhập khẩu dứa của Trung Quốc duy trì ổn định và tăng trưởng dần đều, đặc biệt trong 2 năm 2022 và 2023, lượng dứa nhập khẩu liên tục đạt mức cao kỷ lục, lần lượt là 1,095 triệu tấn và 1,22 triệu tấn.

Tuy nhiên, nhập khẩu dứa của Trung Quốc trong các tháng đầu năm 2024 giảm. Theo đó, trong 7 tháng đầu năm 2024, nhập khẩu dứa của nước này đạt 492,32 nghìn tấn, trị giá 249,95 triệu USD, giảm 29,7% về lượng và giảm 33,2% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái.



Tăng trưởng nhập khẩu dừa của Trung Quốc giai đoạn 2019 – 2023
(ĐVT: Lượng: Nghìn tấn; Tốc độ tăng trưởng: %)



Nguồn: Cơ quan Hải quan Trung Quốc

Cơ cấu chủng loại

Hiện Trung Quốc nhập khẩu chủ yếu chủng loại dừa có lớp vỏ bên trong (mã HS 08011200), lượng đạt 474,18 nghìn tấn, trị giá 229,73 triệu USD, thị phần chiếm 96,32% tổng lượng và 91,91% tổng kim ngạch trong 7 tháng đầu năm 2024. Ngoài ra, Trung Quốc nhập khẩu cơm dừa sấy khô (mã HS 08011100), tuy nhiên lượng không đáng kể.

Chủng loại dừa Trung Quốc nhập khẩu trong 7 tháng đầu năm 2024

(ĐVT: Lượng; tấn; Trị giá; nghìn USD; Đơn giá TB; USD/tấn)

Mã HS	Mặt hàng	7 tháng năm 2024			So với cùng kỳ năm ngoái (%)		
		Lượng	Trị giá	Giá TB	Lượng	Trị giá	Giá TB
	Tổng	492.320	249.952	507,7	-29,7	-33,2	-5,0
08011200	Dừa có lớp vỏ bên trong	474.180	229.733	484,5	-30,3	-35,3	-7,1
08011100	Cơm dừa sấy khô	18.136	20.205	1.114,1	-8,9	4,9	15,2
08011990	Dừa khác	4	14	3.715,7	-99,1	-95,7	388,6

Nguồn: Cơ quan Hải quan Trung Quốc

Cơ cấu nguồn cung

7 tháng đầu năm 2024, Trung Quốc nhập khẩu dừa từ 7 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Trong đó, các nguồn cung dừa chủ yếu cho Trung Quốc gồm: In-đô-nê-xi-a, Thái Lan, và Việt Nam, thị phần chiếm 96,51% tổng lượng. Trung Quốc, đạt trên 111,1 nghìn tấn, trị giá 31,79 triệu USD, giảm 30,6% về lượng và giảm 18,6% về trị giá. Thị phần trái dừa của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Trung Quốc giảm nhẹ từ 22,86% trong 7 tháng đầu năm 2023 xuống 22,57% trong 7 tháng đầu năm 2024.

Việt Nam là nguồn cung dừa lớn thứ 3 cho

Việc Trung Quốc giảm nhập khẩu dứa Việt Nam chỉ là trong ngắn hạn. Bởi Trung Quốc đã đồng ý cấp phép xuất khẩu chính ngạch đối với trái dứa tươi của Việt Nam từ ngày 19/8/2024. Điều này đã mở ra cơ hội rất lớn cho ngành dứa Việt Nam tiếp cận vào thị trường tiềm năng lớn Trung Quốc.

Hiện, Việt Nam có khoảng 200.000 ha trồng dứa, sản lượng hơn 2 triệu tấn, giá trị đứng thứ 4 trên thế giới và là một trong những cây trồng cho thế mạnh xuất khẩu của nước ta. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam và Tổng cục Hải quan Trung Quốc đã ký nghị định thư cho phép dứa tươi xuất khẩu chính ngạch sang Trung Quốc. Đây vừa là cơ hội để mở rộng thị trường dứa của Việt Nam và là căn cứ để Việt Nam tổ chức, liên kết lại sản xuất cây trồng này hiệu quả hơn.

Trong 2 ngày 11 – 12/9, Tổng cục Hải quan Trung Quốc tiến hành kiểm tra 24 vùng trồng, 12 cơ sở đóng gói dứa tươi của Việt Nam trước khi cấp mã số cho các cơ sở này xuất khẩu dứa tươi sang Trung Quốc. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đặt mục tiêu phấn đấu khoảng 80% mã số được phê duyệt trở lên.

Để chuẩn bị cho đợt kiểm tra của nước bạn, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã yêu cầu 15 tỉnh, thành phố đang trồng nhiều dứa cần phải nắm bắt, nghiên cứu kỹ lưỡng và chuẩn bị

các vấn đề, tài liệu liên quan theo quy định của nghị định thư đã được ký kết giữa Bộ và Tổng cục Hải quan Trung Quốc.

Theo Cục Bảo vệ thực vật, dứa tươi của Việt Nam được xuất khẩu từ Việt Nam sang Trung Quốc bao gồm dứa tươi (cả quả có vỏ xanh và cuống ngắn $\leq 5\text{cm}$ và dứa không có vỏ), phải tuân thủ các quy định về kiểm dịch thực vật, quy định và tiêu chuẩn liên quan đến an toàn và vệ sinh thực phẩm của Trung Quốc, không bị nhiễm các loài đối tượng kiểm dịch thực vật mà phía Trung Quốc quan tâm, cành, lá và đất.

Tất cả các vùng trồng và cơ sở đóng gói dứa xuất khẩu sang Trung Quốc phải được đăng ký với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và được cả Tổng cục Hải quan Trung Quốc (GACC) và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt. Trước khi xuất khẩu, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải gửi cho GACC danh sách các vùng trồng và cơ sở đóng gói đã đăng ký để phê duyệt và danh sách này sẽ được cập nhật thường xuyên. GACC sẽ đăng tải danh sách này trên website.

Đồng thời, trước khi xuất khẩu, cán bộ kiểm dịch thực vật tiến hành kiểm tra kiểm dịch thực vật, lấy mẫu 2%. Trong thời gian 02 năm đầu tiên, nếu không phát hiện vi phạm về kiểm dịch thực vật thì tỷ lệ lấy mẫu sẽ giảm xuống còn 1%.

Nguồn cung dứa cho Trung Quốc trong 7 tháng đầu năm 2024

(ĐVT: Lượng; tấn; Trị giá; nghìn USD; Đơn giá TB; USD/tấn)

Thị trường	7 tháng năm 2024			So với cùng kỳ năm ngoái (%)		
	Lượng	Trị giá	Giá TB	Lượng	Trị giá	Giá TB
Tổng	492.320	249.952	507,7	-29,7	-33,2	-5,0
In-đô-nê-xi-a	205.444	60.883	296,3	13,7	20,5	6,0
Thái Lan	158.564	144.516	911,4	-55,0	-47,9	15,9
Việt Nam	111.114	31.792	286,1	-30,6	-18,6	17,3
Phi-líp-pin	16.763	12.052	719,0	149,4	72,1	-31,0
Ma-lai-xi-a	376	540	1.437,5	23,5	32,1	7,0
Thị trường khác	60	170	2.845,4	56,4	76,6	12,9

Nguồn: Cơ quan Hải quan Trung Quốc

THỊ TRƯỜNG SẢN VÀ SẢN PHẨM TỪ SẢN

- ▶ *Giá sản nguyên liệu, tinh bột sản nội địa và tinh bột sản xuất khẩu tại Thái Lan giảm. Xuất khẩu sản lát của Thái Lan trong 8 tháng đầu năm 2024 giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2023, trong khi xuất khẩu tinh bột sản tăng.*
- ▶ *8 tháng đầu năm 2024, xuất khẩu sản và các sản phẩm từ sản của Việt Nam đạt 1,79 triệu tấn, trị giá 822,72 triệu USD, giảm 3,8% về lượng, nhưng tăng 7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023.*
- ▶ *Thị phần sản lát và tinh bột sản của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Trung Quốc 8 tháng đầu năm 2024 tăng so với cùng kỳ năm 2023.*



THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Thái Lan: Từ đầu tháng 9/2024 đến nay, giá sản nguyên liệu, tinh bột sản nội địa và tinh bột sản xuất khẩu tại Thái Lan giảm; trong khi giá sản xuất khẩu sản lát được giữ ổn định so với cuối tháng trước.

Ngày 17/9/2024, Hiệp hội tinh bột sản Thái Lan thông báo điều chỉnh giá sản xuất khẩu tinh bột sản xuống mức 520 USD/tấn FOB-Băng Cốc, giảm 15 USD/tấn so với cuối tháng trước; Đồng thời, điều chỉnh giá tinh bột sản nội địa xuống mức 17 Baht/kg, giảm 0,5 Baht/kg so với cuối tháng trước.

Trong khi đó, Hiệp hội Thương mại khoai mì Thái Lan thông báo điều chỉnh giá sản nguyên liệu xuống mức 2,4-3,3 Baht/kg, giảm 0,05 Baht/kg so với cuối tháng trước; Trong khi giá sản xuất khẩu sản lát được giữ ở mức 240-250 USD/tấn FOB-Băng Cốc, ổn định so với cuối tháng trước.

Theo số liệu thống kê của Cơ quan Hải quan Thái Lan, trong 7 tháng đầu năm 2024, Thái Lan xuất khẩu được 1,59 triệu tấn sản lát (HS 07141011), trị giá 13,14 tỷ Baht (tương đương 395,46 triệu USD), giảm 57% về lượng và giảm 58,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Sản

lát của Thái Lan chủ yếu được xuất khẩu sang Trung Quốc. (Tỷ giá 1 Baht = 0,0301 USD).

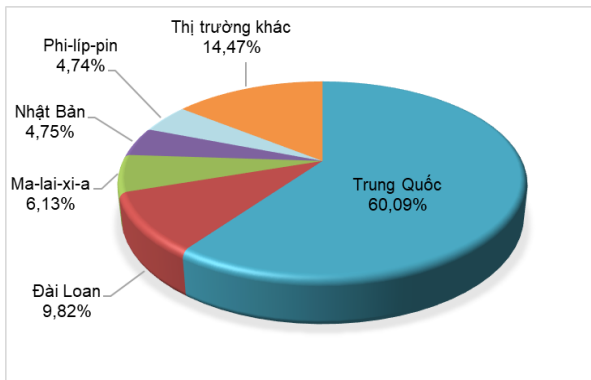
Trong 7 tháng đầu năm 2024, Thái Lan cũng xuất khẩu được 1,86 triệu tấn tinh bột sắn (HS 11081400), trị giá 36 tỷ Baht (tương đương 1,08 tỷ USD), tăng 29,6% về lượng và tăng 45,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Tinh bột sắn của Thái Lan được xuất khẩu chủ yếu sang các thị trường: Trung Quốc, In-đô-nê-xi-a, Đài Loan, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, Nhật Bản, Hoa Kỳ... Trừ Nhật Bản, xuất khẩu tinh bột sắn của Thái Lan sang các thị trường còn lại đều tăng trưởng tốt so với cùng kỳ năm 2023, đặc biệt là xuất khẩu tinh bột sắn sang thị trường In-đô-nê-xi-a có mức tăng đột biến.

Trong 7 tháng đầu năm 2024, Trung Quốc vẫn là thị trường xuất khẩu tinh bột sắn lớn nhất của Thái Lan, chiếm 55,46% tổng lượng tinh bột sắn xuất khẩu của Thái Lan, với 1,03 triệu tấn, trị giá 19,5 tỷ Baht (tương đương 586,97 triệu USD), tăng 19,6% về lượng và tăng 34% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023.

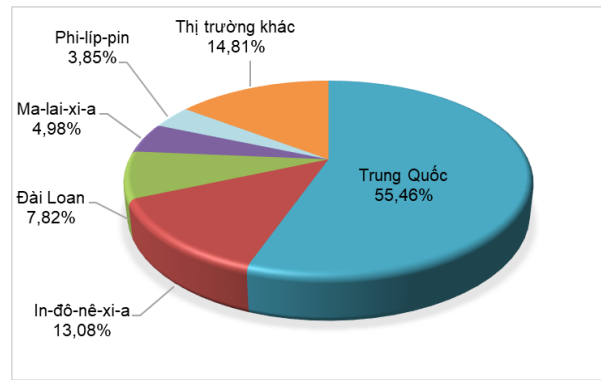
In-đô-nê-xi-a là thị trường xuất khẩu tinh bột sắn của Thái Lan đứng vị trí thứ 2, chiếm 13,08% tổng lượng tinh bột sắn xuất khẩu của Thái Lan, với 243,24 nghìn tấn, trị giá 4,63 tỷ Baht (tương đương 139,5 triệu USD), tăng tới 3.015% về lượng và tăng 3.393% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023.

Cơ cấu thị trường tiêu thụ tinh bột sắn (mã HS 11081400) của Thái Lan (Tỷ trọng % tính theo lượng)

7 tháng đầu năm 2023



7 tháng đầu năm 2024



Nguồn: Cơ quan Hải quan Thái Lan

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Theo Hiệp hội sắn Việt Nam, do ảnh hưởng của mưa bão số 3, dự kiến vụ sản xuất 2024/25 tại các tỉnh phía Bắc sẽ muộn hơn khoảng 20 ngày so với vụ 2023/24. Do mưa bão, diện tích trồng sắn tại khu vực phía Bắc cũng bị ảnh hưởng, dự kiến sản lượng sắn củ tươi vụ 2024/25 sẽ giảm.

Hiện giá tinh bột sắn xuất khẩu được các nhà máy Việt Nam chào bán ở mức 480-505 USD/tấn, FOB cảng thành phố Hồ Chí Minh, ổn định so với cuối tháng trước. Giá tinh bột sắn

xuất khẩu qua các cửa khẩu Lạng Sơn và Móng Cái dao động ở mức 3.520-3.640 CNY/tấn, ổn định so với cuối tháng trước.

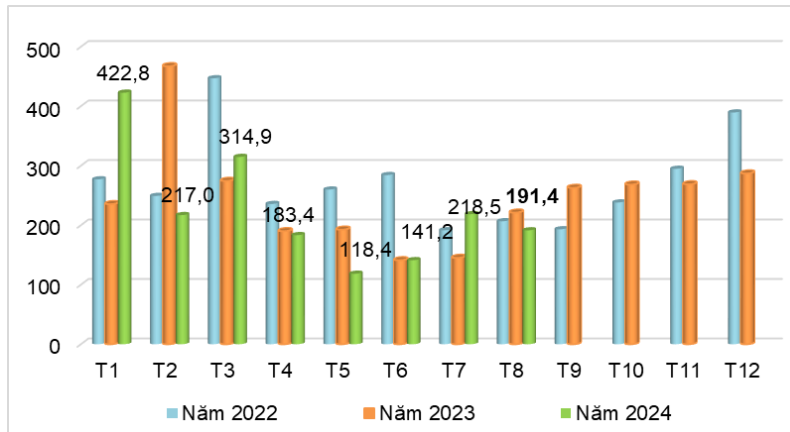
Trong khi đó, giá ngô thế giới giảm mạnh, kéo theo giá ngô nội địa giao các nhà máy thức ăn chăn nuôi giảm (còn khoảng 6,2 triệu đồng/tấn). Điều này ảnh hưởng lớn đến nhu cầu mua sắn lát và bã sắn dùng để trộn vào thức ăn chăn nuôi. Lượng tồn kho sắn lát vụ 2023/24 vẫn còn khá nhiều, dự kiến mùa vụ 2024/25 lượng sắn củ tươi được đưa vào làm sắn lát có thể sẽ giảm mạnh.

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU SẴN VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ SẴN

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan Việt Nam, tháng 8/2024, Việt Nam xuất khẩu được 191,41 nghìn tấn sẵn và các sản phẩm từ sẵn, trị giá 86,84 triệu USD, giảm 12,4% về lượng và giảm 17,8% về trị giá so với tháng 7/2024, giảm 13,6% về

lượng và giảm 16% về trị giá so với tháng 8/2023. Lũy kế 8 tháng đầu năm 2024, xuất khẩu sẵn và các sản phẩm từ sẵn đạt 1,79 triệu tấn, trị giá 822,72 triệu USD, giảm 3,8% về lượng, nhưng tăng 7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023.

Lượng sẵn và các sản phẩm từ sẵn xuất khẩu của Việt Nam qua các tháng giai đoạn 2022 - 2024 (ĐVT: Nghìn tấn)

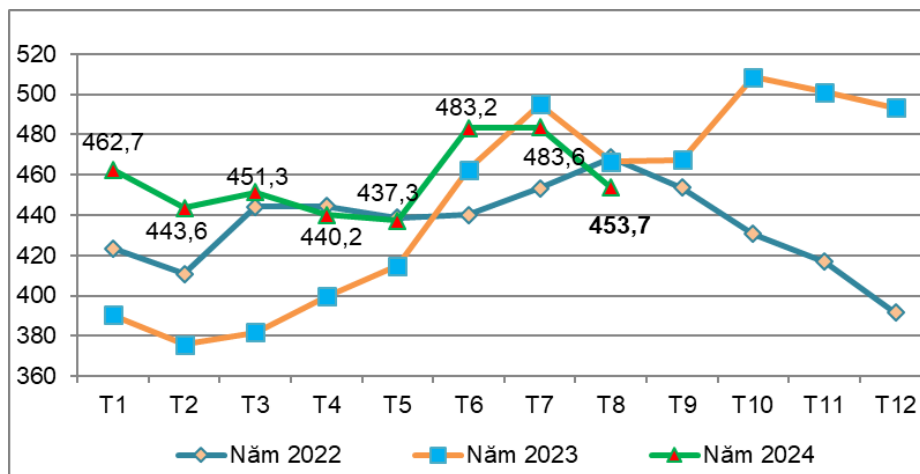


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về giá xuất khẩu: Tháng 8/2024, giá bình quân xuất khẩu sẵn và các sản phẩm từ sẵn ở mức 453,7 USD/tấn, giảm 6,2% so với tháng 7/2024 và giảm 2,8% so với tháng 8/2023. Lũy kế

8 tháng đầu năm 2024, giá bình quân xuất khẩu sẵn và các sản phẩm từ sẵn đạt 458,1 USD/tấn, tăng 11,3% so với cùng kỳ năm 2023.

Giá bình quân xuất khẩu sẵn và các sản phẩm từ sẵn của Việt Nam qua các các tháng năm 2022 - 2024 (ĐVT: USD/tấn)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

Trong tháng 8/2024, Trung Quốc là thị trường xuất khẩu sẵn và các sản phẩm từ sẵn lớn nhất của Việt Nam, chiếm 96,25% về lượng

và chiếm 94,78% về trị giá trong tổng xuất khẩu sẵn và các sản phẩm từ sẵn của cả nước, với 184,24 nghìn tấn, trị giá 82,31 triệu USD, giảm

11,5% về lượng và giảm 17,5% về trị giá tháng 7/2024, giảm 13,3% về lượng và giảm 16,1% về trị giá so với tháng 8/2023. Lũy kế 8 tháng đầu năm 2024, Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc 1,65 triệu tấn sản và các sản phẩm từ sản, trị giá 751,01 triệu USD, giảm 2,2% về lượng, nhưng tăng 9,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Lượng tồn kho tinh bột sản tại cảng Thanh Đảo, Trung Quốc hiện khoảng 200.000 tấn (với giá mua CFR trên 500 USD/tấn), tạo áp lực khiến nhu cầu nhập khẩu của thị trường này giảm. Bên cạnh đó, nền kinh tế Trung Quốc đang bị suy giảm, nhiều nhà máy sử dụng sản lát làm đầu vào cho sản xuất phải đóng cửa do đầu ra không tốt, nhu cầu nhập khẩu sản lát vào Trung Quốc giảm. Dự kiến, lượng xuất khẩu sản lát của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc năm 2024 có thể giảm tới 35-40% so với năm 2023. Hiện giá xuất khẩu sản lát thực tế sang Trung Quốc vẫn dao động ở mức 250 USD/tấn, FOB cảng Việt Nam.

Đáng chú ý, trong tháng 8/2024, xuất khẩu sản và các sản phẩm từ sản sang các thị trường như Đài Loan, Ma-lai-xi-a, Hàn Quốc đều giảm mạnh cả về lượng và trị giá so với cùng kỳ năm 2023.

Trong 8 tháng đầu năm 2024, mặc dù lượng

sản xuất khẩu giảm, nhưng xuất khẩu sản và các sản phẩm từ sản sang một thị trường vẫn tăng trưởng tốt cả về lượng và trị giá so với cùng kỳ năm 2023, trong đó đáng chú ý là các thị trường như: Đài Loan, Ma-lai-xi-a và Pa-ki-xtan. Tuy nhiên xuất khẩu sang Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản và Phi-líp-pin giảm so với cùng kỳ năm 2023.

Các chủng loại sản và các sản phẩm từ sản xuất khẩu của Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2024 chủ yếu là tinh bột sản và sản lát khô. Trong đó, xuất khẩu tinh bột sản có xu hướng tăng cả về lượng và trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Tinh bột sản chủ yếu được xuất khẩu sang Trung Quốc, thị trường Đài Loan, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, Hoa Kỳ, Tây Ban Nha, In-đô-nê-xi-a, Nam Phi... Trong khi đó, xuất khẩu sản lát khô lại giảm mạnh cả về lượng và trị giá so với cùng kỳ năm 2023, chủ yếu được xuất khẩu sang Trung Quốc, Hàn Quốc, In-đô-nê-xi-a...

Hiện nhu cầu tiêu thụ và giá bán chưa có tín hiệu tích cực đã gây bất lợi cho các nhà máy sản khi mùa vụ 2024/25 đang đến gần. Trong khi đó, giá ngô và tinh bột ngô tại thị trường Trung Quốc giảm, tác động đến nhu cầu và giá sản lát của Việt Nam cũng như của Thái Lan khi nhập khẩu vào Trung Quốc.

Thị trường xuất khẩu sản và sản phẩm từ sản của Việt Nam trong tháng 8/2024 và 8 tháng đầu năm 2024

Thị trường	Tháng 8/2024		So với tháng 8/2023 (%)		8 tháng đầu năm 2024		So với cùng kỳ năm 2023 (%)		Tỷ trọng tính theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	8 tháng năm 2023	8 tháng năm 2024
Tổng	191.418	86.846	-13,6	-16	1.795.983	822.721	-3,8	7	100	100
Trung Quốc	184.240	82.311	-13,3	-16,1	1.653.409	751.016	-2,2	9,3	90,52	92,06
Đài Loan	1.796	935	-37	-40,5	33.944	18.675	5,5	15,2	1,72	1,89
Ma-lai-xi-a	527	289	-62,2	-62,6	11.723	6.173	33,1	37	0,47	0,65
Hàn Quốc	436	254	-47,5	-27,5	36.690	11.470	-54,2	-62,1	4,29	2,04
Nhật Bản	169	64			1.131	402	-53	-67,6	0,13	0,06
Phi-líp-pin		0			11.988	6.143	-12,5	-5,5	0,73	0,67

Thị trường	Tháng 8/2024		So với tháng 8/2023 (%)		8 tháng đầu năm 2024		So với cùng kỳ năm 2023 (%)		Tỷ trọng tính theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	8 tháng năm 2023	8 tháng năm 2024
Pa-ki-xtan		0			765	541	57,4	72,3	0,03	0,04
Thị trường khác	4.250	2.991	31,8	41,1	46.333	28.300	17,8	25,8	2,11	2,58

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU SẴN VÀ TINH BỘT SẴN CỦA TRUNG QUỐC VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

+ Sẵn lát: Theo số liệu thống kê của Cơ quan Hải quan Trung Quốc, tháng 7/2024, nhập khẩu sẵn lát (HS 07141020) của Trung Quốc đạt 308,58 nghìn tấn, trị giá 73,79 triệu USD, tăng 10,5% về lượng và tăng 8,5% về trị giá so với tháng 6/2024, tăng 59,1% về lượng và tăng 37,6% về trị giá so với tháng 7/2023. Đây là tháng tăng đầu tiên sau 6 tháng liên tiếp nhập khẩu sẵn lát của Trung Quốc giảm so với cùng kỳ năm 2023. Thái Lan, Việt Nam, Lào là 3 thị trường cung cấp sẵn lát cho Trung Quốc trong tháng 7/2024. Trong đó, Trung Quốc giảm nhập khẩu sẵn lát từ Việt Nam; trong khi đẩy mạnh nhập khẩu từ Thái Lan và Lào so với cùng kỳ năm 2023.

Tính chung 7 tháng đầu năm 2024, Trung Quốc nhập khẩu 1,79 triệu tấn sẵn lát, với trị giá 456,78 triệu USD, giảm 58,8% về lượng và giảm 61,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Thái Lan, Việt Nam, Lào, Căm-pu-chia và Ni-giê-ri-a là 5 thị trường cung cấp sẵn lát cho Trung Quốc. Đáng chú ý, lượng sẵn lát nhập khẩu của Trung Quốc từ Thái Lan và Việt Nam giảm mạnh, trong khi nhập khẩu từ Căm-pu-chia tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2023.

Trong 7 tháng đầu năm 2024, Việt Nam là thị trường cung cấp sẵn lát lớn thứ hai cho Trung Quốc, với 280,73 nghìn tấn, trị giá 73,38 triệu USD, giảm 47,4% về lượng và giảm 49,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Thị phần sẵn lát

của Việt Nam chiếm 15,67% trong tổng lượng nhập khẩu sẵn lát của Trung Quốc, cao hơn so với mức 12,29% của 7 tháng đầu năm 2023.

Nhập khẩu sẵn lát của Trung Quốc từ Thái Lan cũng giảm mạnh trong 7 tháng đầu năm 2024, đạt 1,49 triệu tấn, trị giá 380 triệu USD, giảm 60,6% về lượng và giảm 63,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Thị phần sẵn lát của Thái Lan chiếm 83,58% trong tổng lượng nhập khẩu sẵn lát của Trung Quốc, thấp hơn nhiều so với mức 87,47% của 7 tháng đầu năm 2023.

+ Tinh bột sắn: Nhập khẩu tinh bột sắn của Trung Quốc tiếp tục tăng trong tháng 7/2024. Theo số liệu thống kê của Cơ quan Hải quan Trung Quốc, tháng 7/2024, nhập khẩu tinh bột sắn (HS 11081400) của Trung Quốc đạt 289,15 nghìn tấn, trị giá 145,11 triệu USD, tăng 46,5% về lượng và tăng 42,6% về trị giá so với tháng 6/2024, tăng 66,3% về lượng và tăng 55,9% về trị giá so với tháng 7/2023. Đây là tháng thứ 5 liên tiếp nhập khẩu tinh bột sắn của Trung Quốc tăng so với cùng kỳ năm 2023. Thái Lan, Việt Nam và Lào là 3 thị trường cung cấp tinh bột sắn cho Trung Quốc trong tháng 7/2024, nhập khẩu tinh bột sắn từ các thị trường này đều tăng so với cùng kỳ năm 2023.

Tính chung 7 tháng đầu năm 2024, Trung Quốc nhập khẩu 2,05 triệu tấn tinh bột sắn, trị giá 1,08 tỷ USD, tăng 21,8% về lượng và tăng

33,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023, chủ yếu nhập khẩu từ Thái Lan, Việt Nam, Lào, Căm-pu-chia và In-đô-nê-xi-a.

Thái Lan là thị trường lớn thứ nhất cung cấp tinh bột sắn cho Trung Quốc trong 7 tháng đầu năm 2024 và nhập khẩu tinh bột sắn từ Thái Lan tăng nhẹ sau nhiều tháng giảm liên tiếp so với cùng kỳ năm 2023. Trong 7 tháng đầu năm 2024, Trung Quốc nhập khẩu 955,86 nghìn tấn tinh bột sắn từ Thái Lan, với trị giá 525,45 triệu USD, tăng 3,8% về lượng và tăng 13,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Thị phần tinh bột sắn của Thái Lan trong tổng nhập khẩu của Trung Quốc chiếm 46,61%, thấp hơn so với mức 54,69% của 7 tháng đầu năm 2023.

Trong 7 tháng đầu năm 2024, Việt Nam là thị trường lớn thứ hai cung cấp tinh bột sắn cho Trung Quốc, đạt 762,72 nghìn tấn, với trị giá 393,23 triệu USD, tăng 40% về lượng và tăng 56% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Thị phần tinh bột sắn của Việt Nam chiếm 37,19% trong tổng lượng tinh bột sắn nhập khẩu của Trung Quốc, cao hơn so với mức 32,35% của 7 tháng đầu năm 2023.

Trong 7 tháng đầu năm 2024, Trung Quốc cũng đẩy mạnh nhập khẩu tinh bột sắn từ Lào, Căm-pu-chia và Bra-xin; trong khi giảm nhập khẩu từ In-đô-nê-xi-a. Thị phần tinh bột sắn của Lào, Căm-pu-chia trong tổng nhập khẩu của Trung Quốc tăng so với cùng kỳ năm 2023.

Thị trường cung cấp sắn lát và tinh bột sắn cho Trung Quốc trong 7 tháng đầu năm 2024

Thị trường	7 tháng năm 2024			So với cùng kỳ năm 2023 (%)			Tỷ trọng tính theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá NK (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá TB	7 tháng năm 2023	7 tháng năm 2024
Sắn lát (HS 07141020)	1.791.841	456.780	255	-58,8	-61,9	-7,6	100	100
Thái Lan	1.497.686	380.007	254	-60,6	-63,8	-8,2	87,47	83,58
Việt Nam	280.734	73.381	261	-47,4	-49,6	-4,2	12,29	15,67
Lào	10.052	2.501	249	-1,6	-2,1	-0,5	0,24	0,56
Căm-pu-chia	3.345	886	265	11.846	10.624	-10,2	0,00	0,19
Ni-giê-ri-a	24	4	168				-	0,00
Tinh bột sắn (HS 110814)	2.050.982	1.087.773	530	21,8	33,7	9,8	100	100
Thái Lan	955.867	525.452	550	3,8	13,4	9,2	54,69	46,61
Việt Nam	762.723	393.234	516	40,0	56,0	11,4	32,35	37,19
Lào	285.544	144.576	506	76,3	104,9	16,2	9,62	13,92
Căm-pu-chia	39.637	20.698	522	50,4	67,2	11,2	1,57	1,93
In-đô-nê-xi-a	7.210	3.793	526	-75,8	-74,6	4,7	1,77	0,35
Tổng	3.842.823	1.544.553	402	-36,3	-23,2	20,4	100	100

Nguồn: Cơ quan Hải quan Trung Quốc

THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN

- ▶ *Tại Diễn đàn Tôm Toàn cầu (GSF), các chuyên gia dự báo nhập khẩu tôm của Hoa Kỳ và Trung Quốc năm 2024 sẽ giảm, trong khi nhập khẩu vào EU ổn định hơn.*
- ▶ *Giá cá ngừ vẫn nguyên liệu tại Ê-cu-a-đo tăng do lệnh cấm đánh bắt.*
- ▶ *8 tháng đầu năm 2024, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường Nga tăng trưởng khả quan.*
- ▶ *Việt Nam là thị trường cung cấp thủy sản lớn thứ 3 cho Hàn Quốc, chiếm 12,06% về lượng và chiếm 14,4% về trị giá trong tổng nhập khẩu của Hàn Quốc 8 tháng đầu năm 2024.*



THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- Theo dự báo của các chuyên gia tại Diễn đàn Tôm Toàn cầu (GSF) ở Utrecht, Hà Lan, lượng tôm nhập khẩu năm 2024 tại hai thị trường lớn nhất thế giới là Trung Quốc và Hoa Kỳ có xu hướng giảm, mặc dù giá đang ở mức thấp.

Trong quý 2, lượng nhập khẩu tôm của Trung Quốc đạt 228.889 tấn, trị giá 1,14 tỷ USD, giảm 19% về lượng và giảm 32% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023, giảm 7% về lượng và trị giá so với quý trước đó. Nhập khẩu của Trung Quốc từ Ấn Độ tăng 9% trong nửa đầu năm 2024, nhưng nhập khẩu từ Ê-cu-a-đo giảm 9% về lượng với giá cạnh tranh hơn. Dự kiến, nhập khẩu tôm của

Trung Quốc năm 2024 giảm 11% so với năm trước, xuống còn 933.083 tấn.

Với Hoa Kỳ, lượng tôm nhập khẩu được dự báo sẽ giảm 3% xuống còn 764.962 tấn, năm giảm thứ 3 liên tiếp sau khi đạt 896.686 tấn vào năm 2021 trong bối cảnh nhu cầu bán lẻ tăng do COVID. Các nhà nhập khẩu Hoa Kỳ dự kiến thị trường tôm tại nước này tiếp tục khó khăn trong tháng tới, trước khi nhu cầu tăng lên trong mùa lễ hội cuối năm.

Trong khi đó, tại châu Âu, giá tôm trung bình cũng ở mức thấp nhất, tuy nhiên lượng hàng

nhập khẩu đang tăng lên. Dự báo lượng nhập khẩu tôm của châu Âu sẽ tăng 3% lên 330.337 tấn vào năm 2024. Xu hướng chung là lượng nhập khẩu từ châu Á sẽ giảm và chuyển sang Mỹ Latinh, đặc biệt là từ Ê-cu-a-đo và Vê-nê-xu-ê-na.

- Giá cá ngừ vằn nguyên liệu tại Ê-cu-a-đo tăng do lệnh cấm đánh bắt. Giá cá ngừ vằn giao tại Man-ta, Ê-cu-a-đo trong tháng 9 đã tăng so với tháng trước. Ngược lại, giá giao hàng đến Bangkok, Thái Lan đã giảm so với tháng trước.

Cụ thể, giá CFR cá ngừ vằn nguyên con cỡ 4-7,5lb (1,8-3,4kg) tại Bangkok đã giảm xuống mức 1.250-1.270 USD/tấn trong tuần cuối cùng của tháng 8 và vẫn duy trì ở mức này đến nay.

Trong khi đó, ở Đông Thái Bình Dương, giai đoạn đầu tiên của "veda" - lệnh đóng cửa đánh bắt theo mùa do Ủy ban Cá ngừ Nhiệt đới Liên Mỹ (IATTC) thực thi -- đã làm chậm hoạt động đánh bắt trong những tuần gần đây. Lệnh đóng cửa kéo dài 72 ngày, bắt đầu từ ngày 29/7 và sẽ

tiếp tục cho đến ngày 8/10/2024, đã làm giảm đáng kể trong việc đánh bắt.

Giá nguyên liệu cá ngừ vằn cỡ 4-7,5 lb (1,8 - 3,4kg) giao tại tàu ở Đông Thái Bình Dương đã tăng trong tháng này, ở mức 1.400 USD/tấn. Dự kiến, giá trong khu vực có thể tiếp tục tăng.

Giá cá ngừ ở Đông Thái Bình Dương tăng đã bắt đầu thu hút các tàu đánh cá từ Tây Thái Bình Dương, hiện đang giao sản phẩm đánh bắt trực tiếp đến các thị trường ở Pê-ru, Ê-cu-a-đo và Cô-lôm-bi-a, cùng nhiều quốc gia khác ở Mỹ Latinh.

Trong khi đó, giá cá ngừ vằn ở châu Âu, đặc biệt là ở Tây Ban Nha, vẫn ổn định ở mức 1.550 EUR/tấn (1.713 USD/tấn).

Ở Ấn Độ Dương, giá cá ngừ vằn ở mức khoảng 1.450 EUR/tấn, trong khi ở Đại Tây Dương, một số lô hàng cá ngừ vằn được bán với giá 1.325 EUR/tấn.

XUẤT KHẨU THỦY SẢN CỦA VIỆT NAM SANG NGA 8 THÁNG ĐẦU NĂM 2024 TĂNG TRƯỞNG TỐT

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, tháng 8/2024, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường Nga đạt 24,92 triệu USD, tăng 123,4% so với tháng 8/2023. Tính chung 8 tháng đầu năm 2024, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường này đạt 141,85 triệu USD, tăng 107,9% so với cùng kỳ năm 2023.

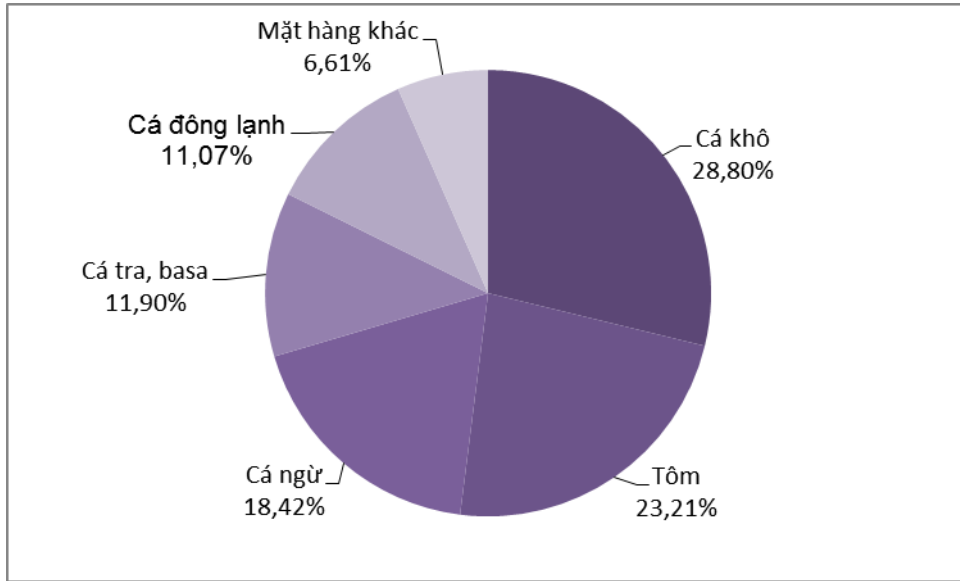
Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, 7 tháng đầu năm 2024 xuất khẩu xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang Nga đạt 25,2 nghìn tấn, trị giá 116,9 triệu USD, tăng 105,3% về lượng và tăng 105% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Nga là thị trường xuất khẩu thủy sản lớn thứ 9 của Việt Nam trong 7 tháng đầu năm 2024, chiếm 2,2% trong tổng trị giá xuất khẩu thủy sản của cả nước.

Trong 7 tháng đầu năm 2024, xuất khẩu các mặt hàng lớn sang Nga đều tăng trưởng như: cá

khô tăng 71,8% về lượng và tăng 66,7% về trị giá; tôm tăng 179% về lượng và tăng 188,1% về trị giá; cá ngừ tăng 150,8% về lượng và tăng 97,6% về trị giá; cá tra, basa tăng 76,1% về lượng và tăng 76,3% về trị giá; cá đông lạnh tăng 91,3% về lượng và tăng 83,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023.

Dự kiến xuất khẩu thủy sản sang thị trường Nga trong thời gian tới sẽ tăng trưởng tốt bởi xu hướng tiêu dùng thủy sản của Nga đang tăng. Do đó, các doanh nghiệp thủy sản Việt Nam cần đảm bảo yêu cầu về chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm, cũng như trong khâu chế biến, lưu thông, nắm bắt nhu cầu và thị hiếu của người tiêu dùng nơi đây... Bên cạnh đó, các doanh nghiệp thủy sản Việt Nam cần tận dụng tốt lợi thế của Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh Kinh tế Á - Âu (VN- EAEUFTA) để gia tăng xuất khẩu thủy sản tới Nga.

Cơ cấu mặt hàng thủy sản xuất khẩu sang thị trường Nga 7 tháng năm 2024
(Tỷ trọng % tính theo trị giá)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan



DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỦA HÀN QUỐC 8 THÁNG ĐẦU NĂM 2024 VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu từ Cơ quan Hải quan Hàn Quốc, 8 tháng đầu năm 2024, nhập khẩu thủy sản của Hàn Quốc (gồm các mã HS 03, 1604, 1605) đạt 857,01 nghìn tấn, trị giá 3,52 tỷ USD, giảm 3,3% về lượng và giảm 12% về trị giá so với cùng kỳ

năm 2023.

Trong 8 tháng đầu năm 2024, Hàn Quốc chủ yếu nhập khẩu thủy sản từ các thị trường như: Trung Quốc, Nga, Việt Nam, Na-Uy, Pê-ru,

Hoa Kỳ, Nhật Bản, Thái Lan...

Trong đó, Việt Nam là thị trường cung cấp thủy sản lớn thứ 3 cho Hàn Quốc, chiếm 12,06% về lượng và chiếm 14,4% về trị giá trong tổng nhập khẩu thủy sản của Hàn Quốc 8 tháng đầu năm 2024, tăng 9,9% về lượng, nhưng giảm nhẹ 0,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023.

Trung Quốc là thị trường cung cấp thủy sản lớn nhất cho Hàn Quốc trong 8 tháng đầu năm 2024, đạt 243,5 nghìn tấn, trị giá 845,5 triệu USD, tăng 8,5% về lượng và tăng 3,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Thị phần thủy sản Trung Quốc trong tổng lượng thủy sản nhập khẩu của

Hàn Quốc đạt 28,41% trong 8 tháng đầu năm 2024, tăng so với mức 23,96% trong cùng kỳ năm 2023.

Nga là thị trường cung cấp thủy sản lớn thứ 2 cho Hàn Quốc. Xuất khẩu thủy sản của Nga tới Hàn Quốc 8 tháng đầu năm 2024 đã giảm 17,4% về lượng và giảm 20% về trị giá so với 8 tháng đầu năm 2023.

Dự kiến, nhập khẩu thủy sản của Hàn Quốc từ Việt Nam những tháng tiếp sẽ đạt kết quả tốt hơn, thị phần thủy sản của Việt Nam tại thị trường Hàn Quốc sẽ gia tăng hơn nữa.

Thị trường cung cấp thủy sản cho Hàn Quốc 8 tháng đầu năm 2024

Thị trường	8 tháng đầu năm 2024		So với cùng kỳ năm 2023 (%)		Tỷ trọng 8 tháng đầu năm 2024 (%)		Tỷ trọng 8 tháng đầu năm 2023 (%)	
	Lượng (nghìn tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Tổng	857.018	3.529.241	-3,3	-12,0	100	100	100	100
Trung Quốc	243.503	845.502	8,5	3,9	28,41	23,96	25,30	20,28
Nga	179.275	555.728	-17,4	-20,0	20,92	15,75	24,47	17,31
Việt Nam	103.338	508.353	9,9	-0,3	12,06	14,40	10,60	12,71
Na-Uy	46.717	361.088	-18,9	-11,5	5,45	10,23	6,49	10,17
Pê-ru	29.027	123.943	-45,7	-28,2	3,39	3,51	6,03	4,31
Hoa Kỳ	36.849	116.870	-6,8	-13,0	4,30	3,31	4,46	3,35
Nhật Bản	20.576	100.592	12,8	-7,1	2,40	2,85	2,06	2,70
Thái Lan	14.489	99.765	3,1	-3,3	1,69	2,83	1,58	2,57
Chi-lê	20.242	79.068	7,5	-2,6	2,36	2,24	2,12	2,02
Ca-na-đa	3.189	61.032	-7,6	19,2	0,37	1,73	0,39	1,28
Đài Loan	17.094	57.157	4,6	-19,7	1,99	1,62	1,84	1,77
Ác-hen-ti-na	8.449	45.685	23,6	20,2	0,99	1,29	0,77	0,95
In-đô-nê-xi-a	8.967	40.535	2,0	-7,9	1,05	1,15	0,99	1,10
Mê-hi-cô	36.461	34.222	23,3	17,2	4,25	0,97	3,33	0,73
Ấn Độ	9.774	33.506	20,2	3,0	1,14	0,95	0,92	0,81
Ma-lai-xi-a	3.647	30.846	-6,1	-8,8	0,43	0,87	0,44	0,84
Ghi-nê	4.684	27.102	-21,2	-12,8	0,55	0,77	0,67	0,77
Thị trường khác	70.738	408.247	6,2	-37,7	8,25	11,57	7,51	16,34

Nguồn: Cơ quan Hải quan Hàn Quốc

THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

- ▶ *Xuất khẩu đồ nội thất và sản phẩm lâm nghiệp của Thổ Nhĩ Kỳ trong 8 tháng năm 2024 vượt 5,1 tỷ USD.*
- ▶ *Xuất khẩu của ngành công nghiệp nội thất Ba Lan trong nửa đầu năm 2024 giảm 6% so với cùng kỳ năm 2023.*
- ▶ *Đồ nội thất bằng gỗ chiếm 91,5% tổng trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang Anh trong 8 tháng đầu năm 2024.*
- ▶ *Thị phần đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam trong tổng trị giá nhập khẩu của Đức từ các thị trường ngoài khối tăng.*



THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ THẾ GIỚI

Thổ Nhĩ Kỳ: Theo Hiệp hội xuất khẩu đồ nội thất, giấy và lâm sản Istanbul của Thổ Nhĩ Kỳ, trị giá xuất khẩu của ngành này vượt 5,1 tỷ USD trong 8 tháng đầu năm 2024. Riêng trong tháng 8/2024, trị giá xuất khẩu nhóm hàng này của Thổ Nhĩ Kỳ đạt 666 triệu USD, cho thấy khả năng phục hồi của ngành trước những thách thức toàn cầu.

I-rắc là thị trường xuất khẩu đồ nội thất, giấy và lâm sản lớn nhất của Thổ Nhĩ Kỳ trong 8 tháng

đầu năm 2024, đạt 711 triệu USD, chiếm 14% tổng trị giá xuất khẩu; Tiếp theo là xuất khẩu tới thị trường Anh đạt 285 triệu USD; Hoa Kỳ đạt 249 triệu USD... Trong cơ cấu thị trường xuất khẩu của Thổ Nhĩ Kỳ, xuất khẩu tới thị trường Hoa Kỳ đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất là 23,55%.

Bất chấp sự bất ổn kinh tế toàn cầu và gián đoạn thương mại, theo Chủ tịch Hiệp hội xuất khẩu đồ nội thất, giấy và lâm sản Istanbul, ngành này đang đi đúng hướng để đạt mục tiêu xuất khẩu.

Sự ổn định về số lượng xuất khẩu phần lớn là nhờ vào những nỗ lực chiến lược trên trường quốc tế. Các nhà sản xuất Thổ Nhĩ Kỳ đã tập trung vào việc mở rộng sự hiện diện của mình thông qua các hội chợ thương mại, sự kiện khuyến mại và quan hệ đối tác kinh doanh, đảm bảo rằng sản phẩm có sức cạnh tranh và dễ dàng nhận biết trên các thị trường chính.

Với mục tiêu đạt 8 tỷ USD trong năm 2024, các nhà sản xuất Thổ Nhĩ Kỳ đang nỗ lực để duy trì đà tăng trưởng. Sự tăng trưởng ổn định trong suốt 8 tháng đầu năm 2024 dự kiến sẽ tiếp tục khi các nhà sản xuất đạt được các mục tiêu xuất khẩu được đặt ra trong năm.

Ngành đồ nội thất, giấy và lâm sản là trụ cột cho thành công xuất khẩu của Thổ Nhĩ Kỳ, chứng minh khả năng thích ứng và sức mạnh

của nước này trong thị trường cạnh tranh toàn cầu. Những đóng góp của ngành này dự kiến sẽ nâng cao hơn nữa vị thế của Thổ Nhĩ Kỳ trong thương mại quốc tế.

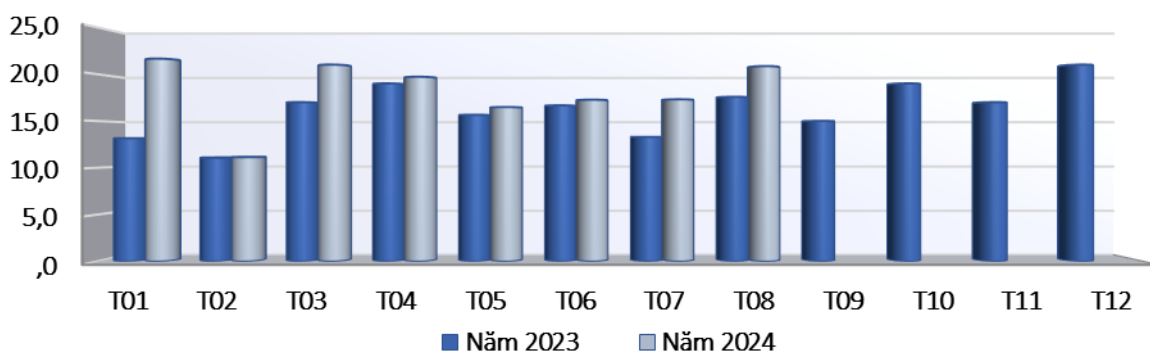
Ba Lan: Dẫn nguồn fordaq.com, năm thứ 2 liên tiếp, ngành công nghiệp đồ nội thất Ba Lan chứng kiến sự sụt giảm về khối lượng sản xuất, xuất khẩu và doanh số. Nhu cầu đồ nội thất giảm ở nước ngoài, chủ yếu là ở thị trường Đức, khiến trị giá xuất khẩu của ngành công nghiệp nội thất Ba Lan trong nửa đầu năm 2024 giảm 6% so với cùng kỳ năm 2023, đạt 28,3 tỷ PLN (tương đương 7,4 tỷ USD). Các nhà xuất khẩu của Ba Lan đang phải nỗ lực cạnh tranh với các nhà cung cấp từ Bun-ga-ri, Ru-ma-ni và các nhà cung cấp từ Trung Quốc. Ngay cả những nhà sản xuất lớn như Fameg của Ba Lan cũng bắt đầu cảm thấy cần phải tái cấu trúc và cắt giảm nhân sự.

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ TỚI THỊ TRƯỜNG ANH

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường Anh trong tháng 8/2024 đạt 20,8 triệu USD, tăng 18,6% so với tháng 8/2023. Tính chung 8 tháng

đầu năm 2024, trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường Anh đạt 145,7 triệu USD, tăng 18% so với cùng kỳ năm 2023.

Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường Anh qua các tháng năm 2023 - 2024 (ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

8 tháng đầu năm 2024, đồ nội thất bằng gỗ là mặt hàng xuất khẩu chủ lực trong cơ cấu mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu sang thị trường Anh, chiếm 91,5% tổng trị giá xuất khẩu. Ngoài ra, còn một số mặt hàng khác cũng xuất khẩu tới thị trường Anh nhưng trị giá chỉ chiếm

tỷ trọng nhỏ như gỗ, ván và ván sàn; cửa gỗ, đồ gỗ mỹ nghệ, khung gương... Đồ nội thất bằng gỗ là mặt hàng mang lại giá trị gia tăng cho ngành gỗ, vì vậy đẩy mạnh xuất khẩu mặt hàng này tới Anh góp phần thúc đẩy ngành gỗ tăng trưởng tốt trong năm 2024.

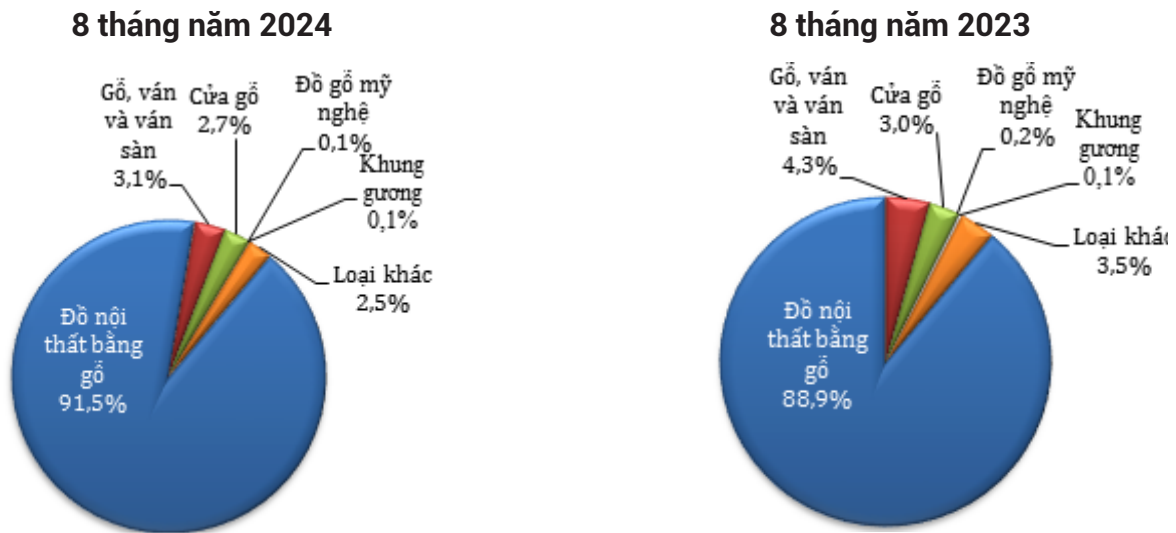
Trên thị trường thế giới, Anh nằm trong nhóm 5 thị trường nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ lớn nhất thế giới, do đó có nhiều cơ hội để đẩy mạnh xuất khẩu mặt hàng này tới Anh. Ngoài ra, sau khi Hiệp định UKVFTA có hiệu lực, nhiều mặt hàng gỗ có thuế suất 0% trong vòng 5 năm, điều này cũng mang lại cơ hội tích cực cho ngành gỗ của Việt Nam.

Tuy nhiên, thách thức khi đưa hàng hoá Việt Nam vào thị trường này khá lớn trong bối cảnh thương mại quốc tế tăng yếu, kinh tế toàn cầu tăng trưởng chậm lại và xung đột địa chính trị leo thang. Nhu cầu thị trường Anh giảm do lạm phát cao và người dân thắt chặt chi tiêu bởi tâm lý lo ngại về chi phí sinh hoạt cao và tình hình kinh tế bấp bênh. Cùng với đó, thị trường Anh có yêu cầu chất lượng cao, giá cả cạnh tranh. Luật về chống mất rừng và suy thoái rừng cũng sẽ ảnh hưởng đến xuất khẩu các sản phẩm gỗ. Những

yêu cầu về chứng chỉ xanh, thương mại công bằng ngày càng được ưa chuộng và áp dụng đối với các doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa dịch vụ, khiến các doanh nghiệp phải đầu tư nhiều hơn, làm tăng chi phí và giá thành sản phẩm. Xung đột biển Đỏ đã đẩy cước vận tải và kéo dài thời gian vận tải biển, giá containers tăng mạnh đang là trở ngại cho các doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu.

Để đẩy mạnh xuất khẩu tới thị trường tại Anh và tận dụng hiệu quả những lợi ích mà Hiệp định UKVFTA mang lại, doanh nghiệp cần phải nắm bắt các quy định về tiêu chuẩn mới của thị trường và xu thế tiêu dùng để cải tiến công nghệ, chất lượng mẫu mã sản phẩm phù hợp; Đầu tư và sử dụng các phương tiện, công cụ marketing số hiện đại để tăng cường quảng bá sản phẩm; Tích cực tham gia các hội chợ triển lãm quốc tế tại Anh.

Cơ cấu mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu tới thị trường Anh trong 8 tháng đầu năm 2024 (Tỷ trọng % tính theo trị giá)



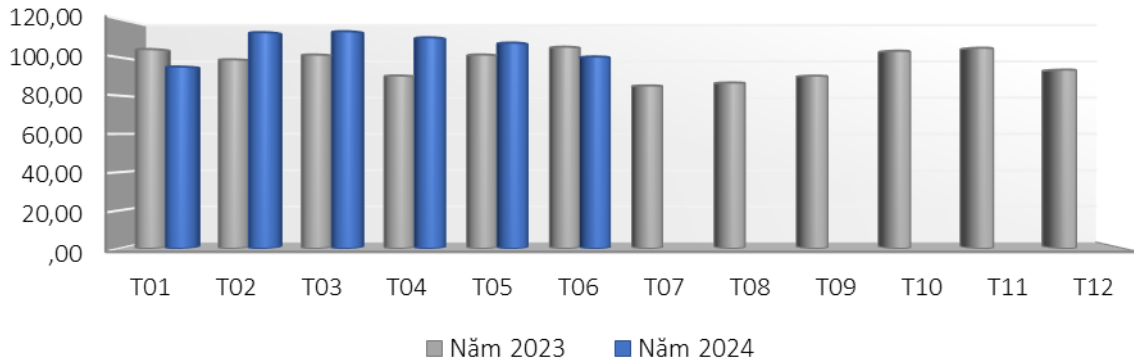
Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan

DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU ĐỒ NỘI THẤT BẰNG GỖ CỦA ĐỨC TỪ CÁC THỊ TRƯỜNG NGOÀI KHỐI VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu của Cơ quan Thống kê châu Âu (Eurostat), trong tháng 6/2024 nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Đức từ các thị trường ngoài khối đạt 100,4 triệu Eur (tương đương 111 triệu USD), giảm 4,8% so với tháng 6/2023. Tính

chung 6 tháng đầu năm 2024, nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Đức từ các thị trường ngoài khối đạt 640,2 triệu Eur (tương đương 710,6 triệu USD), tăng 6,3% so với cùng kỳ năm 2023.

Đức nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ từ các thị trường ngoài khối EU năm 2023 - 2024 (ĐVT: Triệu Eur)



Nguồn: Eurostat

Về thị trường: Theo số liệu thống kê, nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Đức từ các thị trường ngoài khối có xu hướng giảm, tuy nhiên Đức vẫn tăng nhập khẩu mặt hàng này từ thị trường Trung Quốc, U-crai-na, Việt Nam và Ấn Độ. Trong đó, Trung Quốc là thị trường cung cấp đồ nội thất bằng gỗ ngoài khối lớn nhất cho Đức trong nửa đầu năm 2024, đạt 239,8 triệu Eur (tương đương 266,2 triệu USD), tăng 22,9% so với cùng kỳ năm 2023. Tỷ trọng nhập khẩu từ Trung Quốc chiếm 37,5% tổng trị giá nhập khẩu. Tiếp theo là thị trường Thổ Nhĩ Kỳ đạt 88,2 triệu Eur (tương đương 97,9 triệu USD), giảm 4,7%; U-crai-na đạt 59,4 triệu Eur (tương đương 65,9 triệu USD), tăng 18,6%; Việt Nam đạt 53,2 triệu Eur (tương đương 59,1 triệu USD), tăng 15,8%...



Mặc dù là thị trường cung cấp đồ nội thất ngoài khối lớn thứ 4 cho Đức, nhưng trị giá nhập khẩu từ Việt Nam chỉ chiếm 8,3% tổng trị giá

nhập khẩu, vì vậy vẫn còn nhiều dư địa để các doanh nghiệp xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam khai thác. Để đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường Đức, doanh nghiệp cần có kế hoạch tham gia các hội chợ chuyên ngành như hội chợ đồ gỗ, đồ nội thất ở Đức tại các thành phố như Stuttgart, Nurnberg, Koln, Hannover. Hội chợ về đồ nội thất quốc tế lớn là IMM Koln, Interzum ở Koln.

Thị trường ngoài khối EU cung cấp đồ nội thất bằng gỗ cho Đức trong 6 tháng đầu năm 2024

Thị trường	6 tháng năm 2024		So với cùng kỳ năm 2023 (%)	Tỷ trọng (%)	
	Nghìn Eur	Nghìn USD		6 tháng năm 2024	6 tháng năm 2023
Tổng	640.157	710.574	6,3	100,0	100,0
Trung Quốc	239.813	266.192	22,9	37,5	32,4

Thị trường	6 tháng năm 2024		So với cùng kỳ năm 2023 (%)	Tỷ trọng (%)	
	Nghìn Eur	Nghìn USD		6 tháng năm 2024	6 tháng năm 2023
Thổ Nhĩ Kỳ	88.213	97.917	-4,7	13,8	15,4
U-crai-na	59.352	65.881	18,6	9,3	8,3
Việt Nam	53.222	59.076	15,8	8,3	7,6
Bô-xni-a và Héc-xê-gô-vi-na	46.521	51.639	-16,3	7,3	9,2
Thụy Sĩ	36.520	40.537	-2,1	5,7	6,2
Ấn Độ	34.353	38.132	7,6	5,4	5,3
In-đô-nê-xi-a	21.821	24.222	-7,2	3,4	3,9
Bê-la-rút	14.413	15.998	-18,3	2,3	2,9
Anh	10.023	11.125	-22,7	1,6	2,2
Thị trường khác	35.907	39.857	-8,7	5,6	6,5

Nguồn: Eurostat - Tỷ giá 1 Eur = 1,11 USD

Về mặt hàng: Đức tăng nhập khẩu hầu hết các mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ trong 6 tháng đầu năm 2024, trừ đồ nội thất văn phòng và đồ nội thất nhà bếp. Đáng chú ý, các mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ Đức nhập khẩu tăng đều là các mặt hàng

chiếm tỷ trọng cao trong tổng nhập khẩu và cũng là những mặt hàng mà Việt Nam có thế mạnh. Vì vậy, cơ hội để đẩy mạnh xuất khẩu là rất khả quan, bởi tỷ trọng nhập khẩu những mặt hàng này từ Việt Nam vẫn còn thấp.

Đức nhập khẩu mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ từ các thị trường ngoài khối EU trong 6 tháng đầu năm 2024

Thị trường	6 tháng năm 2024		So với cùng kỳ năm 2023 (%)	Tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam (%)	
	Nghìn Eur	Nghìn USD		6 tháng năm 2024	6 tháng năm 2023
Tổng	640.157	710.574	6,3	8,3	7,6
Đồ nội thất phòng khách và phòng ăn (HS 940360)	264.648	293.759	6,1	7,7	6,5
Ghế khung gỗ (HS 940161 + 940169)	190.730	211.710	0,4	10,9	11,5
Đồ nội thất phòng ngủ (HS 940350)	157.475	174.798	17,5	7,6	5,8
Đồ nội thất văn phòng (HS 940330)	15.189	16.860	-1,3	0,1	0,5
Đồ nội thất nhà bếp (HS 940340)	12.115	13.448	-7,4	0,2	0,2

Nguồn: Eurostat - Tỷ giá 1 Eur = 1,11 USD

SINGAPORE THAY ĐỔI MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH THỰC VẬT

Ngày 10/9/2024, Cục Bảo vệ thực vật, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ban hành công văn số 1991/BVTV-KD về việc thông báo mẫu Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật mới của Singapore. Theo đó, Cơ quan Kiểm dịch thực vật (KDTV) của Singapore đã có thông báo về việc thay đổi mẫu Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu và tái xuất khẩu, cụ thể:

Từ ngày 30/9/2024, Cơ quan KDTV của Singapore sẽ bổ sung thêm tính năng bảo mật mới trên mã QR (new QR code security feature)

trên Giấy chứng nhận KDTV để thay thế cho hình in chìm (watermark) được sử dụng trước đây trên Giấy chứng nhận KDTV cũ. Mã QR sẽ cho phép kiểm tra thông tin và tính hợp lệ của Giấy chứng nhận KDTV mới thông qua website của Chính phủ Singapore (verify.gov.sg).

Giấy chứng nhận KDTV mới có màu xanh nhạt (light green/sage), vẫn sử dụng dòng chữ "PHYTOSANITARY CERTIFICATE OF SINGAPORE" được hiển thị rõ (visible marking) và chữ ký của người có thẩm quyền ở dạng điện tử.

Mẫu giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật xuất khẩu

ORIGINAL

Certificate No: National Parks Board





PHYTOSANITARY CERTIFICATE FOR EXPORT
THE CONTROL OF PLANTS ACT
Plant Protection Organisation of Republic of Singapore
To: Plant Protection organisation(s) of

I. Description of Consignment

Name and address of Exporter		Declared name and address of Consignee		
Name of product / Botanical name of plants	Quantity declared	Number and description of packages	Place of origin	Distinguishing marks

Declared means of conveyance: Declared date of shipment:

Declared point of entry:

II. Additional Declaration

III. Disinfection and/or Disinfection Treatment

Date:	Treatment:
Chemical (active ingredient):	Duration and Temperature:
Concentrations:	
Additional information:	

This is to certify that the plants, plant products or other regulated articles described above have been inspected and/or tested according to appropriate official procedures and are considered to be free from the quarantine pests specified by the importing country and to conform with the current phytosanitary requirements of the importing country, including those for regulated non-quarantine pests.

 (Stamp of organization) (Name of authorized officer) (Date of issue) for Director-General (Plant Health)

No financial liability with respect to this certificate shall attach to the National Parks Board or to any of its officers or representatives

IT SHALL BE UNLAWFUL FOR ANY PERSON TO ALTER, DEFACE OR WRONGFULLY USE THIS CERTIFICATE

070194

Mẫu giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật tái xuất

ORIGINAL Certificate No. _____
National Parks Board


PHYTOSANITARY CERTIFICATE FOR RE-EXPORT

THE CONTROL OF PLANTS ACT
Plant Protection Organisation of Republic of Singapore
To: Plant Protection organisation(s) at _____

I. Description of Consignment

Name and address of Exporter		Declared name and address of Consignee		
------------------------------	--	--	--	--

Name of product / Botanical name of plants	Quantity declared	Number and description of packages	Place of origin	Distinguishing marks

Declared means of conveyance: _____ Declared date of shipment: _____
Declared point of entry: _____

II. Additional Declaration

III. Disinestation and/or Disinfection Treatment

Date: _____	Treatment: _____
Concentration: _____	Duration and Temperature: _____

This is to certify that the plants, plant products or other regulated articles described above were imported into SINGAPORE from the above stated countries/regions covered by Phytosanitary certificate No. ZZZ original certified true copy of which is attached to this certificate, that they are packed unpacked in original new containers, that based on the original phytosanitary certificate and additional inspection , they are considered to conform with the current phytosanitary requirements of the importing country, and that during storage in SINGAPORE, the consignment has not been subjected to the risk of infestation or infection.

 _____ (Name of authorized officer) _____ (Date of issue) _____ for Director-General (Plant Health)

No financial liability with respect to this certificate shall attach to the National Parks Board or to any of its officers or representatives
IT SHALL BE UNLAWFUL FOR ANY PERSON TO ALTER, DEFACE OR WRONGFULLY USE THIS CERTIFICATE

679/MS

YÊU CẦU RÀ SOÁT, CẬP NHẬT THÔNG TIN CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT THỰC PHẨM NGUỒN GỐC THỰC VẬT XUẤT KHẨU SANG TRUNG QUỐC

Ngày 13/9/2024, Cục Bảo vệ thực vật, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành văn bản số 2008/BVTV-ATTPMT gửi các cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm nguồn gốc thực vật xuất khẩu sang Trung Quốc về việc yêu cầu rà soát, cập nhật thông tin trên hệ thống CIFER của Trung Quốc.

Theo đó, Cục Bảo vệ thực vật nhận được Công điện số TCO CĐ 1438 ngày 15/8/2024 của Đại sứ quán Việt Nam tại Trung Quốc chuyển tiếp Công hàm ngày 14/8/2024 của Tổng cục Hải quan Trung Quốc (GACC) yêu cầu rà soát, cập nhật thông tin của các cơ sở sản xuất thực phẩm nguồn gốc thực vật xuất khẩu sang Trung Quốc trên Hệ thống CIFER trong vòng 60 ngày.

Thực hiện yêu cầu nêu trên của GACC, Cục thông báo các cơ sở sản xuất thực phẩm nguồn gốc thực vật xuất khẩu sang Trung Quốc:

1. Khẩn trương kiểm tra, rà soát kỹ thông tin về tên, địa chỉ, mã số của cơ sở trên Hệ thống CIFER đảm bảo chính xác, thống nhất theo Giấy đăng ký kinh doanh.

2. Hoàn thiện khai báo các thông tin bắt buộc (người liên hệ, số điện thoại liên hệ, email,...); cập nhật thông tin về tên, mã HS (nếu có) và các tài liệu theo yêu cầu trên Hệ thống CIFER và thực hiện nộp trên Hệ thống CIFER để được GACC phê duyệt.

3. Đối với các cơ sở trước đây không thực hiện đăng ký gia hạn, nếu tiếp tục có nhu cầu xuất khẩu sang Trung Quốc và khôi phục mã số đăng ký trên Hệ thống CIFER, cơ sở cần thông báo tới Cục Bảo

vệ thực vật (qua Phòng ATTP và Môi trường).

Các cơ sở hoàn thiện các thông tin liên quan gửi về Cục Bảo vệ thực vật trước ngày 25/9/2024.

Phụ lục
Báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát và sửa đổi thông tin trên Hệ thống CIFER
(Kèm theo văn bản số 2028/BVTV-ATTPMT ngày 13/9/2024 của Cục BVTV)

Mã số	Tên cơ sở (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Địa chỉ (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Kết quả rà soát thông tin (tick dấu "x" vào ô thích hợp)		Thông tin bị sai lệch và thông tin đúng đề nghị điều chỉnh	Lý do thông tin bị sai lệch	Tình trạng cập nhật trên CIFER (đã submit hồ sơ, ...)	Đề nghị khác (khôi phục đăng ký,...) kèm theo lý do cụ thể
			Đúng hoàn toàn	Có sai lệch				

Lưu ý:

Thông tin sử dụng trong bản tin được thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Thông tin trong bản tin chỉ mang tính tham khảo, các ước tính, dự báo có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi bởi những biến động thị trường.

Rất mong nhận được sự phản hồi, trao đổi thông tin và đóng góp ý kiến của độc giả để Bản tin ngày càng chất lượng hơn.